

See discussions, stats, and author profiles for this publication at: <https://www.researchgate.net/publication/331981826>

Tập san Dạy và học – Số 9 – Tháng 3, 2019

Book · March 2019

CITATIONS

0

READS

534

14 authors, including:



Anh-Duc Hoang

EdLab Asia

124 PUBLICATIONS 134 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Le Thanh Hang

CodeGym Viet Nam

23 PUBLICATIONS 0 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Dieu Nguyen

University of Jyväskylä

27 PUBLICATIONS 0 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Quynh-Anh Hoang Giang

Agilead Global

19 PUBLICATIONS 0 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)

Some of the authors of this publication are also working on these related projects:



Digital Literacy for Sustainable Education Development in Vietnam [View project](#)



Practical action research, models and tools [View project](#)

Day & học

Số 9 - tháng 03 | 2019

PHONG CÁCH HỌC

14

SỰ VẬN ĐỘNG TRONG LỚP HỌC

29

TẠO ĐỘNG LỰC CHO CÁC KHOÁ HỌC
TRỰC TUYẾN

26

MÔ HÌNH SỰ PHẠM 5E

32

LÃNH ĐẠO GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG
PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

HỌC THẾ NÀO?

THÍCH ỨNG CÁC PHONG CÁCH HỌC TẬP KHÁC NHAU
VỚI “CĂN PHÒNG BÍ ẨN”06

Kim Kim dịch

CÁC PHONG CÁCH HỌC KHÁC NHAU -
ĐỂ CHO TRẺ “PHÁ BỎ KHUÔN MẪU”10

Trâm Lê dịch

SỰ VẬN ĐỘNG TRONG LỚP HỌC 14

Hà Thu dịch

ĐỊNH LUẬT VỀ NHỮNG HẸ QUẢ KHÔN LƯỜNG:
MỘT CÁCH HỌC TỐT HƠN..... 17

Ngọc Lan dịch

DẠY THẾ NÀO?

ĐỐI CHIẾU TỪ ĐỂ GỌI TÊN VÀ PHÂN LOẠI MÀU SẮC
TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH21

Lê Thái Hưng

MÔ HÌNH SỬ PHẠM 5E26

Nguyễn Ngọc Diệp dịch

TẠO ĐỘNG LỰC CHO CÁC KHOÁ HỌC
TRỰC TUYẾN.....29

Lê Thanh Hằng tổng hợp

QUẢN LÝ GIÁO DỤC

LÃNH ĐẠO GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
NĂNG LỰC32

Diệu Nguyễn dịch

GÓC NHÌN

CHĂM LO VIỆC HỌC TẬP THƯỜNG XUYÊN CHO NGƯỜI
LỚN, NHIỆM VỤ RẤT QUAN TRỌNG VÀ BỨC THIẾT
HIỆN NAY34

Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Đình Bưu

Thể lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới Dạy và Học muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung Dạy và Học có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**



“Cảm ơn những người hùng bản địa (local champions) như các bạn! Tôi nghĩ rằng một ấn phẩm với định hướng thực hành như Dạy & Học có thể đem lại ảnh hưởng lớn, không chỉ ở những lời khuyên thực tế dành cho giáo viên, mà còn giúp nâng cao vị thế nghề nghiệp và cách mà giáo viên suy nghĩ về bản thân và công việc của mình.”

- TS Daniel Gray Wilson,
Giám đốc Đề án Sổ không,
Trường Giáo dục Harvard

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

Dạy & Học số 9 hân hạnh được đem tới quý vị các bài viết xoay quanh chủ đề “Phong cách học”. Trong chuyên mục **Học thế nào**, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu: “Escape room - căn phòng bí ẩn” - một loại hình giải trí không chỉ đem lại những khoảng thời gian thư giãn, hồi hộp, mà còn có thể gắn kết với các mục tiêu học tập thế nào? Trẻ có thể phá bỏ các khuôn mẫu như thế nào, với các phong cách học tập khác nhau? Sự chuyển động trong lớp học được nhìn nhận ra sao? Trong cuộc sống, những hệ quả mà ta không lường trước được có thể ảnh hưởng tới quá trình học tập thế nào?

Bên cạnh điểm nhấn là bài viết về “Mô hình Sư phạm 5E”, chuyên mục **Dạy thế nào** tiếp tục có sự góp mặt của một độc giả từ trường Đại học An Giang với bài viết về “Màu sắc - Sắc màu” trong chuyện dạy và học tiếng Anh, cũng như một gợi ý về cách tạo động lực cho các khoá học trực tuyến.

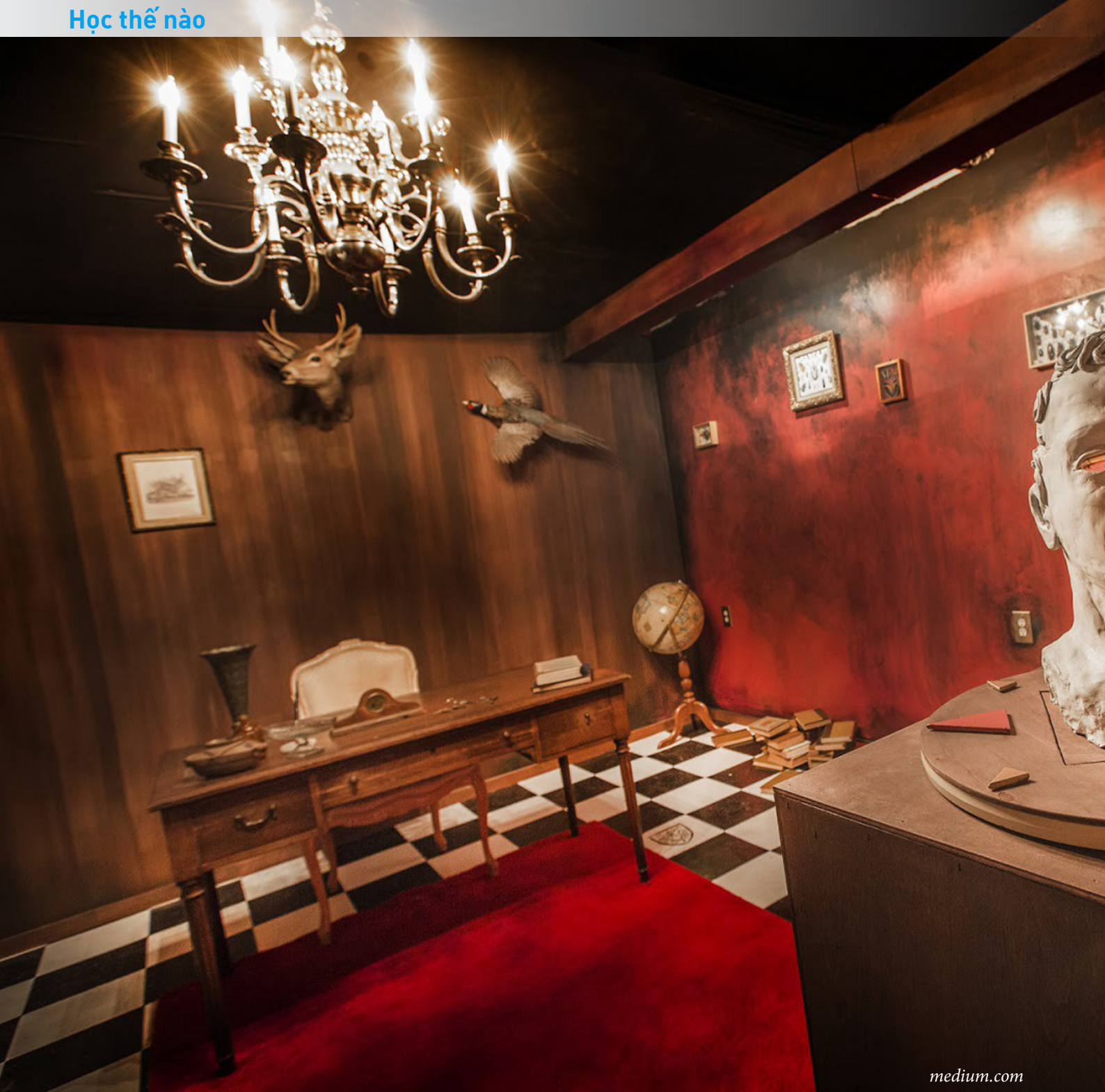
Các nhà lãnh đạo giáo dục có thể sẽ thấy hứng thú với “Định hướng phát triển năng lực”, bài viết tóm lược phân tích của Katherin Casey (Tiến sĩ tại ĐH Harvard) về những chiến lược và ý tưởng lãnh đạo nhằm xây dựng một trường học chất lượng, bền vững, hướng tới phát triển năng lực cho học sinh và giáo viên.

Đặc biệt, chuyên mục **Góc nhìn** số này có sự góp mặt của Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Đình Bưu, với sự nhấn mạnh tầm quan trọng của nhiệm vụ “Chăm lo việc học tập thường xuyên cho người lớn”. Kính chúc quý vị có khoảng thời gian thú vị,

Thay mặt **Ban Biên tập Lộn xộn**,

Hoàng Anh Đức





medium.com

THÍCH ỨNG CÁC PHONG CÁCH HỌC TẬP KHÁC NHAU VỚI “CĂN PHÒNG BÍ ẨN”



Martha Beach^{1/}
Kim Kim dịch

“Khi còn đi học, tôi học không hề giỏi”, Paul Harvey tuyên bố. Ông nói thêm, “Tôi thuộc kiểu trẻ con không thể nào ngồi yên và giữ trật tự trong 5 phút”. Vào lúc này hay lúc khác, chúng ta đều đã và đang gặp những học sinh giống như vậy, thậm chí có thể bạn cũng đang có một học sinh

1 Tựa gốc: Escape Rooms: Catering To Different Learning Styles, từ Teachmag: <http://teachmag.com/archives/10683>

như vậy trong lớp học của mình ngay bây giờ. Paul giải bày, “Tôi không hề ngốc nghếch, chỉ là tôi không thấy có hứng thú phát triển trong phạm vi lớp học”. Và đây là một điều hết sức bình thường. Một số người chỉ đơn giản là thấy rằng, họ khó có thể học tốt bằng cách ngồi yên nghe giảng theo hình thức học truyền thống. Đó chính là lý do vì sao Harvey đồng sáng lập ra Mobile Escape để mang các trò chơi và niềm vui đến các trường học ở Calgary.

Escape rooms - Căn phòng bí ẩn là các trò chơi khám phá theo nhóm mà trong đó, người tham gia sẽ bị khóa trong 1 căn phòng và phải cố gắng mở khóa căn phòng đó bằng cách giải các câu đố hoặc các bí ẩn trong một khoảng thời gian quy định. Các vấn đề cần được giải mã có thể là từ vựng, hình ảnh, toán học, kỹ thuật hoặc các vấn đề khác. Người chơi có thể sử dụng các chiến lược, sự tìm tòi khám phá, tư duy phản biện, kỹ năng làm việc nhóm và gợi ý có trong căn phòng đó. Chuỗi trò chơi này đã được mở rộng trước tiên ở Châu Âu và Châu Á trước khi được giới thiệu tại Canada. Đến nay, Escape room đã có 5 năm phát triển ở Canada.

Ban đầu, Escape Room được sử dụng như một hoạt động xây dựng đội nhóm dành cho người lớn, nhưng một số công ty ở Canada đã tận dụng các trò chơi khám phá giải đố đầy thú vị và linh hoạt này để sáng tạo ra chương trình “Escape room” dành cho học sinh. “Các bạn học sinh, một cách đột ngột, được khuyến khích tự lực cánh sinh và tự mày mò khám phá,” Harvey nói.

Escape room đem đến rất nhiều lợi ích, có thể kể đến như: Học tập gợi mở (học tập theo truy vấn - Inquiry-based learning), tham gia trải nghiệm trực tiếp, khuyến khích sự sáng tạo “game hóa” (marker-based gamification creation process), cũng như là có thể đáp ứng nhiều phong cách học khác nhau trong cùng một thời điểm.

Điều này đặc biệt hữu ích cho các bạn học sinh đang phải vật lộn trong môi trường học tập truyền thống. Các căn phòng được trang trí theo phong cách đa môn/ngành và có chủ đích nhấn mạnh về sự đa dạng trong suy nghĩ. “Chúng (Escape rooms) yêu cầu lối tư duy phong phú và cho phép nhiều phương cách học được diễn ra đồng thời,” Harvey giải thích như vậy. Tuyệt vời hơn nữa, đó là giáo viên không cần phải soạn 6 giáo án cho 6 trình độ/ sở thích học khác nhau. Theo Harvey thì, “Escape rooms sẽ có 6 cách thức để tiếp cận cùng 1 vấn đề”. Một bạn học sinh nghiêng về việc đọc-hiểu-viết có thể phán đoán dựa vào các dòng chữ trên tường, còn bạn khác với xu hướng học tập thiên về kỹ thuật và những thứ rõ ràng lại có thể tìm cách để vận hành máy móc.

Không thể chỉ vì “Căn phòng bí ẩn” chứa đựng các câu đố và trò chơi mà chúng ta nghĩ rằng nó dễ dàng. “Chúng tôi luôn hứng thú nói về việc không thành công”, Harvey nói. Không đạt được thành công thường là một phần của việc học hỏi được thêm các kỹ năng mới và phát hiện ra các thông tin mới. Harvey cũng bổ sung rằng “các căn phòng đó luôn đầy tính thử thách và thường là người chơi sẽ cần có trợ giúp, vì vậy họ có thể yêu cầu có các gợi ý”.

Tại trung tâm Improbable Escapes ở Kingston, ON, Melissa Eapen, nhà đồng sáng lập, cho biết phòng chơi dành cho người lớn và trẻ em là giống nhau. Công ty của Eapen đã kết hợp với các khu vực di tích lịch sử, và bà giải thích rằng: “Để chơi trò này, bạn không cần những kiến thức bên ngoài đâu. Việc giải câu đố là bản năng trực quan của con người. Bạn sẽ học hỏi thêm được nhiều thông qua quá trình giải đố này. Dù đó là người lớn hay trẻ con thì chúng tôi cũng không thay đổi/ chỉnh sửa gì các câu đố, tuy nhiên chúng tôi tạo điều kiện để trẻ em có thể hỏi nhiều nhất có thể, điều này trái ngược với việc bị giới hạn với chỉ có 2 hay 3 manh mối.”

Bà Eapen và nhà đồng sáng lập Emma Rochon đã quyết định rằng không giới hạn số lượng gợi ý/manh mối thu hút các bạn bé tham gia học hơn để đạt được kết quả tốt.

Học và luyện tập hướng đến một mục tiêu rõ ràng cũng đồng nghĩa với việc ghi nhớ và lưu trữ thông tin tốt hơn. Theo Eapen, “Bởi vì chúng ta phải liên tục hoạt động - chẳng hạn như hoạt động để thoát ra khỏi căn phòng đó, hay hoạt động vì 1 mục tiêu thể chất, nên chúng ta có xu hướng nhớ và duy trì các thông tin lâu hơn và hiệu quả hơn”. Các bài khảo sát được thực hiện bởi Improbable Escapes đã phát hiện ra rằng: 80% mọi người lưu giữ được các thông tin thông qua việc giải đố. Bà Eapen tiết lộ rằng: “Phong cách giảng dạy truyền thống không đem đến hứng thú ngay lập tức, vì vậy học sinh có thể bị lơ đãng và buồn ngủ. Việc giải câu đố là động lực thôi thúc các bạn học sinh liên tục học và đặt câu hỏi.

Elizabeth Smailes và Jay Cross, 2 nhà đồng sáng lập của Escape Rooms 4 Kids tại Vancouver, đều đồng ý rằng các hoạt động thực tế, trực quan nghĩa là trẻ em tiếp thu thông tin một cách chủ động hơn. Smailes giải thích rằng “sẽ dễ dàng hơn khi ta tập trung vào những kỹ năng, chủ đề, hoặc thể loại nhất định và vào các thử thách có mục đích cho học sinh. Nếu các bạn nhỏ giải đúng bài toán, một chiếc hộp có thể được mở ra, và đó chính là động lực thôi thúc các bạn học thực sự để chắc chắn rằng mình có thể giải đúng các vấn đề”.

Một “đặc sản” khác của Escape Rooms 4 Kids là việc hỗ trợ giáo viên chuẩn bị và lên kế hoạch để tham gia vào các thử thách trong căn phòng. “Chúng tôi giúp các trường học phát triển các phương thức để có thể sử dụng các căn phòng trò chơi đó hiệu quả nhất có thể. Khi thời gian chuẩn bị được giảm đi, thời gian cho việc học sẽ được tăng lên nhiều lần”. Smailes có giải thích

rằng, để các phòng chơi đạt được hiệu quả sử dụng tốt nhất thì việc sắp xếp các trò đồ khiến cho học sinh sử dụng hoặc nâng cao các kỹ năng cụ thể nào đó là rất quan trọng. Hãy cùng lấy một ví dụ. Nếu muốn giải được 1 phần của câu đố, có thể nói rằng một nhóm phải biết sắp xếp các dữ kiện đã có theo trình tự hợp lý để có thể đạt được một kết quả nhất định nào đó. Một thành viên sẽ bị bịt mắt và cả nhóm đó sẽ phải trợ giúp nhau để sắp xếp theo được đúng thứ tự. “Một khi cả nhóm đã cùng nhau bàn bạc và giải quyết được thứ tự cần làm, sẽ rất khó để bất cứ thành viên trong nhóm quên được trình tự đó!”. Kiểu bài tập này là cơ hội để nâng cao tinh thần làm việc tập thể, tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề cũng như khả năng tiếp thu thông tin kiến thức. “Hơn tất cả, đó là nó rất vui!” Smailes không quên nhấn nhủ. Chơi mà học là hình thức học tích cực, hiệu quả cho mọi lứa tuổi. “Các trò chơi rất vui nhộn, và đó cũng là thời điểm người học đón nhận sự rủi ro”, người phụ nữ đó nói thêm. “Chấp nhận mạo hiểm thực sự giúp học sinh học được nhiều hơn, đồng thời cũng giúp phát triển và tìm được những kỹ năng mà nếu không liều lĩnh thì người học sẽ không thể có được.”

Niềm vui học tập đó không chỉ đến từ việc thoát ra được khỏi căn phòng câu đố. Các bạn học sinh có thể lên kế hoạch, tổ chức, và xây dựng căn phòng của chính mình, và điều này còn tạo ra một kết quả hiểu biết sâu kỹ hơn về môn học và cách thức vận hành của các câu đố. Harvey cùng cộng sự của mình là Eric Reynold đã và đang đem các căn phòng câu đố của Mobile Escape đến khắp các trường học trong vùng Calgary. Sẽ có 2 Escape rooms trong mỗi block nhà dài 30 ft, và các trường học có quyền lựa chọn một buổi giới thiệu nhanh ngắn gọn trong 2 tiếng hoặc một khóa dài và tập trung trong 1 tuần, và trong thời gian đó, các bạn học sinh được tự lên kế hoạch và thiết kế ra căn phòng bí ẩn của riêng mình. Harvey bày tỏ: “Chúng ta có thể kết

nối sự sáng tạo của các bạn học sinh với bất kỳ chương trình học nào mà trường học hoặc lớp học đó mong muốn. Mọi khả năng là vô hạn bởi chúng tôi giúp các bạn học sinh trở thành “người làm ra”. Điều này còn vượt trên cả khái niệm “game hóa” - nơi mà học sinh chỉ là người chơi, người hưởng thụ. Khi các bạn nhỏ thiết kế ra trò chơi cho mình, đó chính là trào lưu Maker-movement (Tạm dịch là trào lưu “tự chế tạo”): các bạn học sinh chế tạo ra những thứ thể hiện được những gì các bạn đã học”.

Escape rooms - Căn phòng bí ẩn có thể trở thành 1 nhân tố bổ sung tuyệt vời cho môi trường lớp học truyền thống. “Các căn phòng và chương trình này là minh chứng rõ rệt cho việc vẫn còn rất nhiều đất diễn cho những sự đột phá trong lớp học”, Harvey cho biết. Anh ấy cũng đưa ra cảm nhận của bản thân rằng lớp học vẫn chưa được cải tiến nhiều như nhẽ ra nên thế. Theo Harvey thì, “Chúng ta cần thích ứng được với mọi sự thay đổi. Dù rằng đây là những việc không dễ dàng, nhưng chúng tôi hi vọng rằng hệ thống căn phòng bí ẩn sẽ đóng vai trò nhất định trong sự thích ứng này.” Những căn phòng đó chính là một phần trong tiến trình cải cách lớp học. Smailes bổ sung: “Dĩ nhiên, bọn trẻ sẽ vẫn có các bài thuyết trình, vẫn làm bài đọc, bài viết, còn các căn phòng bí ẩn này là một kiểu công cụ học tập. Một cách tổng quát, nó giống như khoảng thời gian giải lao trong một ngày. Các bạn sẽ có những khoảnh khắc thật vui vẻ.”

Nếu bạn vẫn chưa thử loại hình phiêu lưu theo nhóm này, bây giờ chính là lúc lên kế hoạch, đi giải đố và tận dụng các căn phòng bí ẩn đó như một công cụ hỗ trợ giáo dục đầy hiệu quả.



CÁC PHONG CÁCH HỌC KHÁC NHAU - ĐỂ CHO TRẺ “PHÁ BỎ KHUÔN MẪU”

Diane Bisson¹
Trâm Lê dịch

Khi cố gắng thấm nhuần giá trị ở trẻ em, thì “trẻ em giống như mô hình đất sét” vậy. Tuy nhiên, khi cố gắng phân tích cách trẻ học, chúng ta không nên vội vã mà hãy để cho trẻ được tự do “phá khuôn”. Mở cánh cửa thử nghiệm và sáng tạo là một trong những cách chúng ta có thể hướng dẫn trẻ khám phá điểm mạnh và khả năng cũng như nhận ra điểm yếu của chúng. Tôi tin rằng hầu hết các chương trình giảng dạy, với kế hoạch, tổ chức và nỗ lực, có thể được

điều chỉnh, sửa đổi và thực hiện cho phù hợp với cách học ưa thích của các em. Ngoài ra, sử dụng phương pháp MST (Multi-Sensory Teaching - Dạy học đa giác quan) là một trong những cách hiệu quả có thể ứng dụng thêm để học sinh hiểu và biến thông tin bài học thành kiến thức của riêng mình. MST kết hợp ba phong cách học tập chính: thính giác, bao gồm người học qua lắng nghe và bằng lời nói; hình ảnh, bao gồm bản in cũng như người học hình ảnh; và động học, trong đó có chứa người học xúc giác. Sử dụng MST, giáo viên có thể làm cho việc học trở nên vui vẻ và thú vị bằng cách mời, thử thách và cho phép học sinh chọn cách học tập của riêng mình.

¹ Bài viết gốc từ Teachmag: <http://teachmag.com/archives/135>



©behance.net

Người Học Qua Thính Giác

Người học qua thính giác học tốt nhất bằng cách nghe hoặc nói. Đây có thể là người nói nhiều nhất trong tất cả các kiểu học được đề cập trong bài này. Người học này thường thích thảo luận, nhưng có thể dễ dàng bị phân tâm trong cuộc trò chuyện. Bởi vì họ dành một bên tai riêng cho âm nhạc, người học thính giác thường thích nghe nhạc trong khi làm việc của mình. Nếu học sinh của bạn là một người học thính giác, họ nên được khuyến khích lắng nghe thông tin và lặp lại nó. Họ rất có thể sẽ không thích các hoạt động viết lách sâu rộng hay đọc thầm trong thời gian dài. Khi học thì người học nên đọc to các hướng dẫn về những gì cần làm và nội dung của những gì có thể tiếp thu được. Người học nên ghi chú lại bằng ghi âm hoặc băng để có thể

nghe lại sau này. Người học thính giác cũng sẽ được hưởng lợi từ việc nghe sách trên băng. Các tình huống thực tế nên được sử dụng để dạy các khái niệm mới.

Người học có thể đọc to thành tiếng để khiến việc học thú vị hơn. Việc đọc một bài các bằng miệng hoặc qua ghi âm hay video cũng trở nên hấp dẫn hơn. Trong việc đánh vần, người học thính giác nên được khuyến khích đánh vần các từ thành tiếng. Kiểm tra chính tả bằng miệng có thể giúp người học thính giác đạt được điểm cao hơn. Toán học có thể trở nên thú vị hơn nếu học sinh được khuyến khích tạo ra các vấn đề từ ngữ của riêng mình bằng cách sử dụng các khái niệm cần học. Các bước giải quyết vấn đề toán học phải luôn luôn được xác minh bằng lời nói. Người học thính giác có thể học các phép tính nhân và chia bằng cách nghe chúng trên băng hoặc trong một giai điệu.

Có hai kiểu người học thính giác: người học qua nghe và người học bằng lời nói. Người học bằng lời nói tỏ ra có thể mạnh hơn nhiều trong cách tiếp cận thông tin đã cho. Họ nói những từ đại diện chính xác những gì họ hiểu. Vì lý do này, họ cần có cơ hội để diễn đạt bằng lời những gì họ học được. Họ giải quyết vấn đề bằng cách nói về chúng. Làm việc chung với người khác sẽ giúp họ rèn giũa kỹ năng này.

Người Học Trực Quan

Một người nghĩ bằng hình ảnh hoặc bằng từ ngữ được gọi là người học trực quan. Nó như thể người đó có một máy quay phim trong tâm trí mình quay lại những gì anh ấy nghe hoặc đọc thường được nhìn thấy bằng hình ảnh hoặc bằng lời nói vậy. Phong cách học tập này bao gồm người học hình ảnh và người học chữ.

Người học hình ảnh thường có thể gặp một số khó khăn với việc đọc và đánh vần bởi vì với họ, các chữ cái đại diện cho âm thanh chứ không

phải hình ảnh. Người học hình ảnh nên được khuyến khích chú ý đến hình minh họa, đồ thị, bản đồ, v.v ... Việc ghi chú hình ảnh này sẽ giúp họ sắp xếp và lưu trữ thông tin đã cho.

Mặt khác, người học qua chữ viết sẽ suy nghĩ tốt bằng chữ. Sơ đồ và hình minh họa có thể gây nhầm lẫn cho họ. Họ có nhiều khả năng bỏ qua các hình ảnh và tập trung vào các thông tin bằng văn bản. Vì lý do này, sẽ hiệu quả nhất khi người học đọc và viết thông tin được giữ lại, và vì họ yêu màu sắc, họ có thể gạch chân hoặc làm nổi bật thông tin đã cho. Người học bằng chữ viết nên ghi chép bằng bút, bút chì và giấy màu khác nhau. Họ sẽ giữ lại thông tin bằng lời nói, không phải bằng hình ảnh.

Trái ngược với người học thính giác, những người mà thường có kết quả tốt hơn khi làm việc với người khác, người học trực quan thích ở một mình để đọc và nghiên cứu một cách lặng lẽ. Họ có thể sẽ không chọn các hoạt động nhập vai hoặc lắng nghe người khác. Họ chọn cách tự tổ chức và tự làm việc. Các bài viết của họ rất gọn gàng và chặt chẽ. Bàn làm việc và phòng ngủ của họ cũng rất sạch sẽ, tươm tất. Họ cũng thích sự gọn gàng trong vẻ ngoài của mình.

Kĩ năng đọc hiểu có thể hiệu quả với người học hình ảnh nếu họ được vẽ hoặc tạo sơ đồ của các nhân vật và sự kiện trong một câu chuyện. Người học bằng chữ viết, mặt khác, sẽ thích viết ra tên của các nhân vật trong một câu chuyện và ghi chú các sự kiện. Về chính tả, người học hình ảnh có thể trang trí các từ mới hoặc làm cho chúng trông giống như một bức tranh. Cấu hình từ vựng cũng có thể hữu ích. Đối với người học chữ viết, các từ chính tả mới có thể được viết bằng bút màu, tô sáng, bút chì và giấy khác nhau. Toán học có thể trở nên thú vị hơn nếu các sự kiện số được viết trên thẻ học từ vựng (flashcard) có màu. Các dòng số sáng đèn cũng có thể là một công cụ tốt để tìm hiểu các sự kiện

toán học. Người học hình ảnh có thể tập luyện thêm bằng cách rút ra từng bước trong việc giải các bài toán trong khi người học chữ viết có thể làm nổi bật các dấu hiệu hoạt động của một vật nào đó.

Người Học Động Học

Nhiều cá nhân cần sử dụng phương pháp toàn thân để học hỏi. Cách học thoải mái hơn này được gọi là phong cách động học, kết hợp phương pháp xúc giác. Người học động học sẽ học tốt nhất bằng cách sử dụng kết hợp các kiểu học. Họ cần lắng nghe (thính giác) và xem (trực quan) các thông tin đã cho. Sau đó có thể cần phải lặp lại nó (bằng lời nói) bằng lời nói của mình. Họ cũng có thể phải viết, đánh máy, hoặc thậm chí vẽ (xúc giác) thông tin cần được giữ lại. Bởi vì họ cần phải di chuyển nhiều, người học động học có khả năng đi bộ xung quanh trong khi làm việc. Họ đạt hiệu quả tốt hơn khi làm việc trong thời gian ngắn thay vì phải tập trung thời gian dài. Vì năng lượng dồi dào của mình, họ thường xuyên bồn chồn và bồn chồn. Ngồi trong thời gian dài là vô cùng thử thách đối với nhóm người học này. Cảm giác về thách thức thời gian là khó khăn cho họ. Thay vì nhìn về tương lai, họ chỉ chú tâm khoảnh khắc hiện tại (điều này giải thích tại sao họ phấn đấu để hiểu hậu quả của hành động của mình). Đáng buồn thay, họ thường được dán nhãn hiếu động. Anh ta thường tỏ ra vô tổ chức, nhưng với người học động học, mọi thứ giống như sự nhầm lẫn có tổ chức.

Người học động nên vận dụng nhu cầu của mình một cách hiệu quả trong suốt quá trình học. Nghiên cứu của họ về thông tin nào đó có thể được chuyển thành video, âm thanh hoặc hình ảnh. Bằng cách thể hiện những gì họ đã học được thông qua một thí nghiệm (khoa học) với một mô hình hoặc đồ thị (toán học) hoặc trong một tiểu phẩm (kịch), người học động học có thể chứng minh những gì họ đã hiểu và biến thành kiến

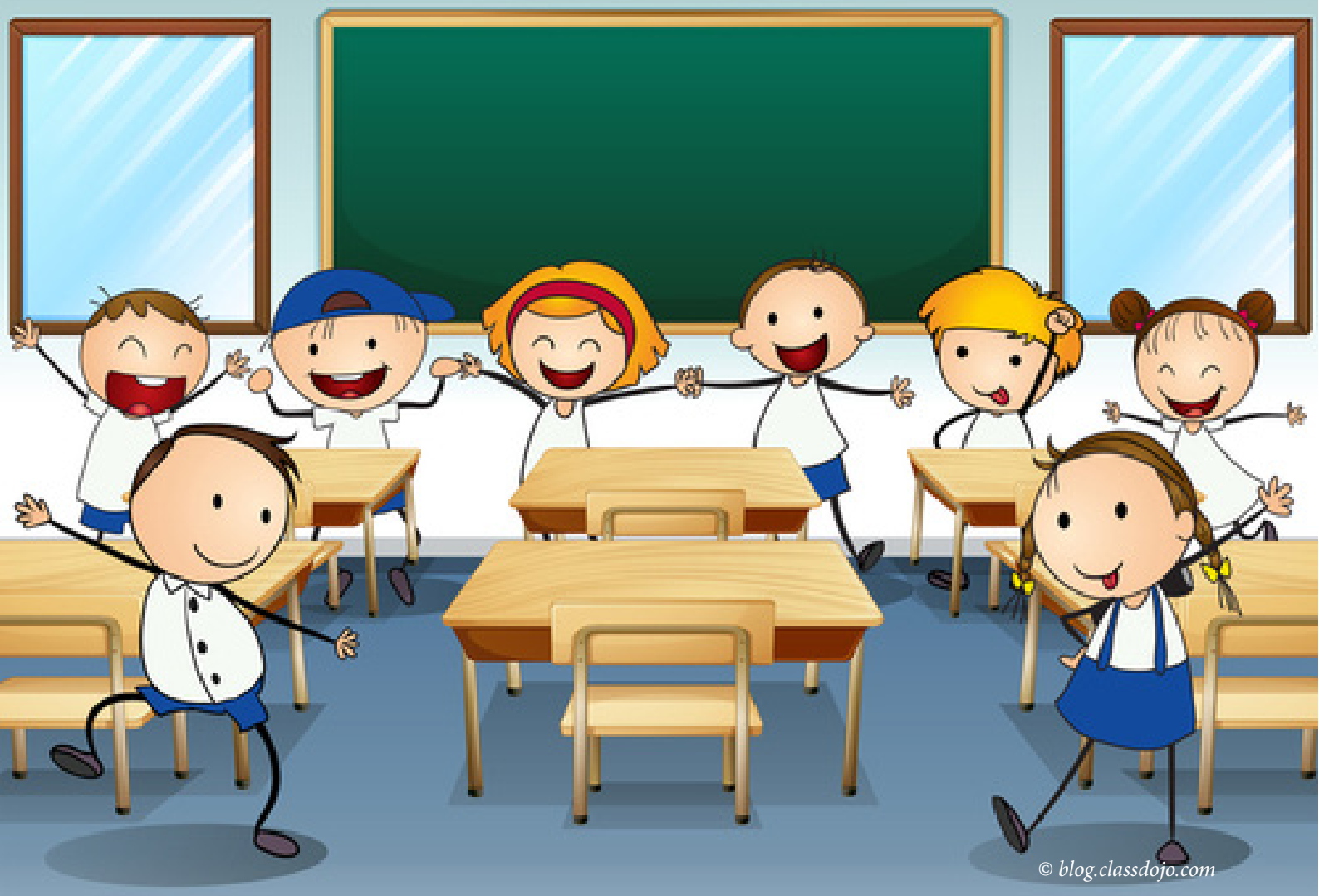
thức của riêng mình. Diễn đạt các từ vựng hoặc nhân vật nhập vai trong một câu chuyện có thể cải thiện khả năng đọc hiểu của họ. Họ có thể thực hành đánh vần bằng cách viết các từ trong không khí, trên bàn hoặc trên một người nào đó. Một cách khác để họ nhớ chính tả là vỗ tay theo từng chữ cái của một từ hoặc đi từng bậc cầu thang trong lúc đánh vần nó. Viết từ trên giấy nhám, cát ướt, muối, bánh pudding, kem đánh bông màu, hoặc thậm chí là gỗ bả kẹo cao su khỏi áo quần là những cách thú vị khác để học. Hãy nhớ rằng, sự di chuyển và những người tham gia rất quan trọng đối với người học động học. Họ cũng nên được khuyến khích để thực hiện các vấn đề từ ngữ toán học. Các chương trình máy tính tương tác hay các sự kiện toán học cũng có thể là động lực to lớn đối với họ.

Cách học xúc giác là một phần của phong cách động học. Nếu học sinh của bạn là một người học khéo léo, bạn sẽ nhận thấy rằng họ hiểu rõ nhất và giữ lại thông tin nhiều nhất khi họ có thể chạm vào nó, chơi với nó và thao tác với nó. Các hoạt động thực hành là công cụ tốt nhất cho họ. Người học xúc giác thích máy tính và các thiết bị cầm tay khác. Một máy đánh chữ cũ cũng có thể rất tốt cho loại người học này bởi vì họ phải nhấn mạnh hơn vào các chữ cái và phím số. Vẽ và viết bằng phấn hoặc bảng trắng cũng thú vị đối với họ. Họ học tốt nhất thông qua thử nghiệm, thử nghiệm và sai sót, và thực hiện các chuyến đi và thăm viếng các nơi. Tương tự như phong cách học động học, chuyển động

rất quan trọng đối với người học xúc giác. Họ không thích các hoạt động đọc sách trong thời gian dài và các hoạt động nghe, và rất có thể họ sẽ không thích sách bài tập hoặc bảng tính vì điều đó buộc họ phải ngồi xuống để mà hoàn thành chúng.

Xác định, giải quyết và tôn trọng cách học ưa thích của học sinh chính là cách làm trẻ hài lòng nhất. Quan trọng nhất, giáo viên và phụ huynh của trẻ em từ 5 đến 11 tuổi có thể thấy những cải thiện lớn trong kết quả học tập và lòng tự trọng của trẻ em một khi những điều trên đã được làm theo. Khi đứa trẻ trưởng thành, trẻ sẽ nhận thức được cách mình học, và sẽ xây dựng một nền tảng vững chắc dựa trên những điểm mạnh của mình và phát triển các chiến lược để hiểu được điểm yếu của mình.

Để tóm lại, tôi xin đưa ra gợi ý này cho tất cả những ai yêu thích và làm việc với trẻ em và những người trẻ tuổi: hãy đánh giá phong cách học tập của riêng bạn. Nó có thể phục vụ như một công cụ để bạn làm việc với người trẻ tuổi kể cả bạn có thể muốn hay không muốn sử dụng. Dựa trên nhiều năm làm việc với trẻ em ở các độ tuổi và hoàn cảnh khác nhau, tôi có thể chứng minh rằng một khi cách học yêu thích của trẻ được phát hiện, tiềm năng của chúng là vô hạn. Với tư cách là người chăm sóc, hãy phá vỡ khuôn mẫu và “Để trẻ làm những điều trẻ thích đi!”



© blog.classdojo.com

SỰ VẬN ĐỘNG TRONG LỚP HỌC

Sean Blackmer¹

Hà Thu dịch

Sau bốn năm giảng dạy ở một trường học thay thế cấp 3, có 1 điều mà tôi thường được nghe từ phía học sinh mới là, “liệu chúng ta có thể di chuyển xung quanh lớp học và không gặp phải khó khăn nào không? Giáo viên cũ của chúng em chưa bao giờ để chúng em làm những điều này!” Mỗi lần tôi nghe được điều đó, tôi lại cảm thấy rất vui khi học sinh của tôi cảm thấy tự do trong lớp học của mình, tuy nhiên tôi vẫn ý thức được rằng vẫn có hàng trăm sinh viên phải ngồi

cả ngày khi học trên lớp. Khi tôi phát biểu rằng bất cứ giáo viên nào cũng có thể kết hợp với việc để học sinh của mình di chuyển trong lớp, tôi thường gặp phải những hoài nghi. Trên cương vị của một người giáo viên, một xã hội, chúng ta vẫn thường hay quên rằng hoạt động là một yếu tố quan trọng cho cả cơ thể và não bộ. Chúng ta đang trở nên quá quan tâm vào điểm kiểm tra của học sinh thay vì quan tâm đến sức khỏe, thể chất và tinh thần của học sinh mình. Là một nhà giáo, tôi hiểu được điểm số có ảnh hưởng như thế nào đến học sinh hay trường học, nhưng đó có phải thực sự là mục tiêu của một người làm giáo dục?

¹ Tựa gốc: Movement in Classroom, dịch từ Teachmag <http://teachmag.com/archives/10678>

Cùng với sự hỗ trợ của công nghệ và nghiên cứu về cách hoạt động về bộ não của con người, chúng tôi có thể hiểu được tại sao và làm các nào mà sự di chuyển có thể giúp chúng ta. Rất nhiều kết quả nghiên cứu cho ta thấy được sự di chuyển có khả năng giảm đi những vấn đề về hành vi và các vấn đề tâm lý, cải thiện sự chú ý, và tạo ra nhiều sự hấp dẫn và ý nghĩa trong lớp học. Điều này là do sự giải phóng não của bốn hóa chất chính trong quá trình di chuyển: Serotonin, Dopamine, Endorphin và Cortisol.

Serotonin giúp điều chỉnh tâm trạng của học sinh trong khi Endorphin và Cortisol đều giúp giảm và chống lại căng thẳng. Dopamine đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy và khiến mọi người tiếp tục làm việc. Vì vậy, đối với những học sinh mà đang trải qua thời kỳ khó khăn, lo lắng cao độ hoặc các rối loạn sức khỏe tâm lý khác, việc các hóa chất này xuất hiện cho phép chúng ở trạng thái tốt hơn, tích cực hơn.

Chuyển động cũng giúp kích thích vùng hải mã - một phần của bộ não có liên quan đến trí nhớ. Sau khi một học sinh đã di chuyển, hải mã của họ hiệu quả hơn trong việc lưu trữ thông tin cũng như tạo ra các kết nối thần kinh cần thiết để nhớ lại thông tin nhanh hơn khi cần thiết.

Vậy, chúng ta có thể làm gì trong lớp học để thúc đẩy sự di chuyển? Các nghiên cứu khuyên rằng mọi người nên đứng dậy và di chuyển 20 phút. Di chuyển có thể đơn giản như đi bộ, các hoạt động làm giãn cơ, hoặc đứng một tư thế yoga. Những hoạt động này sẽ làm tăng lượng máu lưu thông trong cơ thể và đặc biệt là lưu thông trên não bộ. Máu càng được lưu thông thì sẽ càng nhiều Oxy được vận chuyển lên trên não bộ, Từ đó mà tạo ra các con đường thần kinh cho phép học sinh nhớ lại tài liệu tốt hơn và hiệu quả hơn. Phần lớn thời gian dành thời gian ngồi ở trường học và trong khoảng thời gian đó, cũng chỉ có một khoảnh khắc ngắn học sinh có thể đi bộ, điều này không đủ cung cấp đủ chuyển động cần thiết để giúp tâm trí có khả năng học tập cao. Trong khi đó, có rất nhiều trường học đang

dần giảm thiểu các môn học thể chất để thêm thời gian ngồi học trên lớp để chuẩn bị cho bài kiểm tra. Việc này thậm chí có thể làm tăng lên những vấn đề trên lớp học.

Trong lớp của tôi, tôi có đủ may mắn để có thể mua hai bộ bàn có khả năng di chuyển. Một bộ được gọi là “bàn có chân đạp - Pedal Desks” nơi 4 học sinh có thể ngồi và đạp xe đạp trong khi làm việc tại bàn. Bộ thứ hai bao gồm các bàn đứng, với một là bàn đứng tiêu chuẩn và mặt còn lại có hai bảng cân bằng nơi học sinh học tập.

Vào mỗi đầu năm học, tôi thường xem qua các các quy tắc và kỳ vọng của tôi về những chiếc bàn cho học sinh, thậm chí thôi còn đi sâu hơn vào lý do tại sao học sinh lại lại có mặt trong lớp học của tôi. Nếu bạn muốn tạo ra những thay đổi tích cực trong lớp học, thì bạn phải giải thích cho sinh viên mục đích của phương pháp của bạn. Một khi học sinh ở trong lớp, và họ hiểu mục đích, giáo viên có thể giảm thiểu được việc quản lý hành vi học sinh trong lớp học.

Lần đầu tiên tôi giới thiệu bộ bàn có chân đạp, có một nhóm học sinh nữ lớp 8 đã nghĩ rằng chiếc bàn trông thật ngu ngốc và sơ đẳng. Sau một vài tuần, tôi nhận thấy rằng có một bạn học sinh nữ bắt đầu ngồi vào bàn và sau đó bạn bè của cô bé cũng bắt đầu làm theo. Sau đấy, tôi giao bài tập viết cho lớp và tôi chứng kiến được việc nào bộ cần chuyển động như thế nào. Tôi chỉ định 4 học sinh ngồi trên chiếc bàn có bàn đạp làm bài tập viết trên Google Docs. Khi chúng đang đọc đề (có 3 đoạn văn) thì chúng không có bất cứ một hoạt động gì, nhưng ngay sau khi chúng bắt tay vào đánh máy, thì chân cũng bắt đầu đạp chiếc bàn đạp.

Tôi cũng có một số ghế lắc lư tương tự như ghế đầu, nhưng thay vì bốn cột gỗ làm chân, có một trụ có mặt dưới cong. Điều này buộc học sinh phải liên tục tìm trung tâm của chiếc ghế chỉ để

mất thăng bằng một lần nữa. Đó là một cách tuyệt vời để giúp những học sinh cần phải bồn chồn và di chuyển, nhưng không muốn đập hoặc đứng lên để làm việc. Tôi đã thấy điều này xảy ra nhiều lần trên tất cả các cấp lớp ở trường cấp hai, giới tính, IQ, năng khiếu và tài năng, học sinh Giáo dục đặc biệt và học sinh thần kinh. Học sinh mà tôi đã dạy với ADHD, ADD hoặc cậu học sinh cấp hai điển hình của bạn không bao giờ là vấn đề hành vi trong lớp học của tôi so với các lớp học khác.

Lớp học của tôi thường bị đánh giá là một rạp xiếc hoặc một lớp học ồn ào bởi các giáo viên khác và những người tham quan, nhưng liệu đó có phải là một lớp học không? Tại sao chúng ta thường có ý niệm rằng lớp học là khi những chiếc bàn được xếp ngay ngắn theo hàng theo lối, giữ im lặng, và luôn luôn phải dựa vào thầy cô giáo. Với tất cả các công nghệ và với tất cả những nghiên cứu mà chúng ta có, liệu phương pháp học truyền thống ngồi và học có còn là phương pháp học tập hiệu quả nhất? Các trường học và một số tổ chức đã thực hiện một vài lớp học kết hợp với di chuyển và thấy được kết quả về hành vi, điểm số và văn hóa trường học được nâng cao một cách đáng kể. Tôi hiểu rằng một vài giáo viên có thể lo ngại việc di chuyển và hoạt động trên lớp có thể lấy đi thời gian cho các hoạt động học thuật, nhưng thông điệp gì chúng ta muốn gửi gắm đến học sinh của mình? Tìm hiểu về các công thức bậc hai hoặc những người đã qua đời vào năm 1492 quan trọng hơn so với các sinh viên có quan điểm về bản thân hoặc làm thế nào chuyển động có thể tác động tích cực đến sức khỏe? Tôi sống trong một khu vực xảy ra chín vụ tự tử thiếu niên trong năm học 2016-2017 và tiểu bang Colorado có một trong những tỷ lệ tự tử cao nhất ở Hoa Kỳ. Vì vậy, điều đó đưa ra quan điểm một lần nữa; Khi nào chúng ta bắt đầu tập trung vào phúc lợi tinh thần của học sinh hơn là tiêu chuẩn của nhà nước? Làm việc trong một môi trường trường học thay

thế đã cho tôi những quan điểm rộng hơn về việc học tập của học sinh, khác nhiều so với những gì được miêu tả trong các khóa học đại học của tôi. Các gia đình muốn một cái gì đó khác biệt và khi hầu hết các trường học truyền thống chỉ ngày càng lớn hơn, mọi người tìm kiếm các lựa chọn khác. Chúng tôi phải bắt đầu thích nghi với các sinh viên của chúng tôi không phải cách khác.

Bộ não của chúng ta luôn có xu hướng muốn hoạt động và khi chúng ta để bộ não hoạt động thì sự sáng tạo, trí nhớ, sự chú ý, sự tập trung, tâm trạng và giá trị của bản thân cũng sẽ được tăng theo. Có rất nhiều cách khác nhau để kết hợp các hoạt động chuyển động vào trong lớp học.

Trong một năm, tôi đã dạy cho học sinh lớp 6 của mình cách tung hứng. Mỗi ngày chúng tôi dành ra 6-10 phút để luyện tập trong giờ học 50 phút. Tôi đã đọc và nói chuyện với các giáo viên khác, những người kết hợp vận động thể chất vào trong lớp học. Họ đã ghi nhận kết quả tương tự. Đây là phần tốt nhất; bất kể loại chuyển động nào bạn kết hợp vào lớp học của bạn, tất cả chúng đều có cùng lợi ích cho học sinh, lớp học và trường học. Một khi giáo viên thúc đẩy sự hiểu biết của học sinh về mục đích của nó, bạn sẽ có niềm vui. Trường học nên làm cho niềm vui

“Sean Blackmer là một giáo viên khoa học xã hội và tự chọn ở trường trung học cơ sở tại Grand Junction, Colorado. Ông là người đóng góp chính cho sự phát triển của trường trong một chương trình học tập trực tuyến tại chỗ. Ông hiện đang hoàn thành bằng Thạc sĩ về Giáo dục đặc biệt thông qua Đại học Colorado Mesa và sẽ nhận được chứng chỉ về Nhà phân tích hành vi ứng dụng từ Đại học Bắc Colorado.



© ptcnetwork.ca

ĐỊNH LUẬT VỀ NHỮNG HỆ QUẢ KHÔN LƯỜNG: MỘT CÁCH HỌC TỐT HƠN

Richard Worzel¹
Ngọc Lan dịch

Chủ quyền Bắc Cực đang được thảo luận trên tạp chí TEACH là một chủ đề khá thú vị, nhưng chỉ là một phần nhỏ của vấn đề lớn hơn có thể được tiếp cận từ quan điểm chính trị, kinh tế, địa chất, khí hậu, và nhiều lĩnh vực khác. Thực tế, các lĩnh vực có liên quan này và cách nhìn nhận sâu rộng sẽ tạo động lực nhiều hơn cho học sinh (và giáo viên) để theo đuổi các khía cạnh giáo dục khác nhau và không xem các môn học trong chương trình giáo dục là tách biệt. Hãy để tôi mở rộng hơn cuộc thảo luận về vấn đề chủ quyền Bắc Cực này.

¹ Tựa gốc: The Law of Unexpected Consequences, dịch từ Teachmag http://teachmag.com/archives/3301?fbclid=IwAR1h9B_oFaOhQHsCKlcVMYuVzDs1lueF-CO1kqgdNG3gvpzq58H85KH6Imjo

Đầu tiên, lý do duy nhất cho việc chủ quyền của Bắc Cực trở thành chủ đề nóng là sự thay đổi khí hậu đang mở ra Hành lang Tây Bắc, khiến cho Bắc Cực dễ tiếp cận hơn. Khi Bắc Cực còn là một tảng băng bị cô lập và cố định, nó được coi là vùng đất hoang và chỉ được những người đã sống ở đó quan tâm. Nhưng có thể thấy rõ ràng là khí hậu Trái đất đang thay đổi, điều đó làm cho Bắc Cực đáng được chú ý hơn vì nhiều lý do. Để thấy rõ điều này, ta sẽ tập trung bàn về biến đổi khí hậu.

Có một số quan điểm khác biệt giữa các nhà khoa học, và khá nhiều điều không chắc chắn về lâu dài, nhưng nếu bạn nhìn vào những gì đang xảy ra, thì không khó để nhận thấy rằng khí hậu thực tế đang thay đổi. Có thể thấy những thay đổi rõ rệt, từ hiện tượng lạnh cực đoan và tuyết

roi bất thường ở Anh và Bắc Âu, hay sự ấm lên và lạnh đi liên tục ở Nam Cực, đến sự tan chảy của những tảng băng vĩnh cửu ở vùng Bắc Cực thuộc Canada. Những người bác bỏ thuyết biến đổi khí hậu sẽ nói rằng còn quá sớm để biết liệu có bất cứ điều gì xảy ra hay không, và rằng ngay cả khi có điều gì đó xảy ra thì cũng không có gì lạ vì khí hậu vẫn luôn thay đổi một cách tự nhiên.

Nhưng hãy tạm thời bỏ qua những tranh cãi mà giả sử rằng biến đổi khí hậu đang xảy ra và ra và hiện tại đã quá muộn để ngăn chặn nó. Điều đó không có nghĩa là chúng ta không nên làm gì vì từng hành động của chúng ta làm bây giờ có thể ảnh hưởng rất nhiều đến mức độ thay đổi sau này. Hãy thử nghĩ đến khác biệt giữa hiện tượng cháy nắng nhẹ và hiện tượng say nắng có thể gây tử vong. Thử lấy ví dụ về chủ quyền Bắc cực và biến đổi khí hậu, điều tôi muốn nhấn mạnh là tại sao tương lai lại khó dự đoán đến vậy.

Theo các nhà nghiên cứu biến đổi khí hậu, nhiệt độ toàn cầu được dự đoán sẽ tăng lên 2 độ (Celsius) trong thế kỷ XXI. Điều này có nghĩa là đại dương ấm lên, mực nước biển cao hơn, một số nơi nhiều mưa hoặc hạn hán hơn bình thường, những cơn bão dữ dội hơn trong cả mùa đông và mùa hè, và những thay đổi đáng kể trong mùa sinh trưởng ở tất cả các vùng nông nghiệp. Nhưng hãy nghĩ về những biến đổi sâu xa hơn, bởi vì chúng thường không phải là những hệ quả đầu tiên, mà là những hệ quả thứ cấp, tam cấp, thậm chí xa hơn nhưng lại mang tính then chốt và quyết định.

Nếu nhìn vào Canada, biến đổi khí hậu có ý nghĩa gì với chúng ta? Đầu tiên, Hành lang Tây Bắc được mở và trở thành con đường ngắn hơn cho các tàu đi từ châu Âu đến các thành phố ven biển của Đông Á. Nó làm gia tăng sức ép chính trị giữa Hoa Kỳ (nơi tuyên bố Hành lang Tây Bắc là tuyến đường thủy quốc tế, do đó mở cửa cho

tất cả các quốc gia) và Canada (nơi tuyên bố đây là tuyến đường thủy nội địa). Vấn đề này đã làm tăng căng thẳng giữa tất cả các quốc gia ở cực Bắc (Canada, Nga, Mỹ, Đan Mạch và các quốc gia Bắc Âu khác), gây ra một cơn sốt đất để đòi hưởng tài nguyên thiên nhiên tiềm năng dưới vùng Bắc Băng Dương. Nó đặt Canada vào một vị thế địa chính trị có nhiều xung đột hơn, với những khoản thương lượng tiềm năng hơn và cả những tình huống bất lợi tiềm ẩn mà ta chưa có sự chuẩn bị tốt.

Tiếp theo, hãy xét đến nền nông nghiệp. Những đại bình nguyên ở Canada là một vựa bánh mì lớn của thế giới. Các quốc gia đang phát triển nhanh chóng như Trung Quốc, Ấn Độ, ... đang chứng kiến sự gia tăng mức sống khá nhanh. Theo khuynh hướng phát triển, nhu cầu về thực phẩm sẽ tăng lên cả về số lượng và chất lượng. Điều này khá tốt cho người nông dân Canada. Nếu khí hậu ở Canada ấm lên, người dân có thể kéo dài thời gian mùa vụ, điều đó làm cho cây trồng phát triển tốt hơn và được mở rộng phạm vi gieo trồng.

Tuy nhiên, điều này không hẳn là hoàn toàn có lợi. Đầu tiên, biến đổi khí hậu cũng có thể làm biến đổi quy luật mưa và tuyết. Những bình nguyên là đất nông nghiệp cận biên vì chúng khá khô cằn. Đất này chỉ cung cấp đủ độ ẩm vào một số thời điểm thích hợp trong năm để mang lại năng suất cho cây trồng. Nếu quy luật mưa thay đổi, năng suất không những không tăng, mà còn có thể giảm đi. Ví dụ, vào năm 2010, trời mưa to và nhiều vào đầu mùa xuân đã khiến cho mặt đất ở một số nơi trên bình nguyên quá mềm và ẩm ướt, làm chết cây lương thực, dẫn đến sản lượng thu hoạch sụt giảm, hoặc thậm chí có nơi hoàn toàn mất mùa.

Khí hậu ấm lên cũng đồng nghĩa với nhiều sâu bệnh. Mùa đông ít khắc nghiệt hơn, côn trùng sinh sôi nhanh, kèm theo côn trùng mới từ vùng

khí hậu ẩm khác di chuyển đến và khó tiêu diệt hơn. Nhiệt độ ẩm lên còn đi đôi với nhiều bệnh thực vật, ký sinh trùng và bệnh nấm. Một lần nữa, vấn đề lại càng phức tạp hơn.

Tăng sản lượng cây trồng sẽ dẫn đến sự gia tăng cạnh tranh và có thể gây ra xung đột cho chính trị Canada, khiến người dân và các tỉnh nông nghiệp chịu sức ép về giá cả từ người tiêu dùng và các tỉnh tiêu thụ.

Trong khi đó, những người sống ở vùng cao của Bắc cực có thể phải rời bỏ nhà của họ. Băng vĩnh cửu đang tan chảy ở nhiều nơi. Những con đường băng quan trọng để tiếp tế cho các cộng đồng phía bắc vào mùa đông đang có xu hướng tan băng sớm hơn và đóng băng muộn hơn. Điều này có nghĩa là nguồn cung cấp cho vùng phía bắc trước khi người dân bị cô lập trong mùa xuân và hè ngày càng giảm. Liệu rằng người dân miền nam với lịch sử đã nhiều năm phớt lờ miền bắc Canada có sẵn lòng giúp đỡ họ? Liệu chủ quyền Bắc Cực có phải chỉ dành cho quan hệ quốc tế? Rõ ràng một lần nữa, một vấn đề chính trị sẽ phát sinh từ một vấn đề khí hậu.

Mức nước tăng sẽ ảnh hưởng ra sao đến bờ biển Canada như ở St. John, Halifax, Vancouver và Victoria? Ở Bờ Tây, nơi vốn tiềm ẩn nguy cơ động đất, liệu mức nước biển dâng cao có gây ra ảnh hưởng lớn hơn tới các đứt gãy ngầm dưới biển, dẫn đến động đất với số lượng nhiều và quy mô lớn hơn không?

Nói về đại dương, đại dương ẩm hơn có nhiều vấn đề. Có thể bão sẽ xuất hiện ít hơn, nhưng quy mô những cơn bão sẽ nghiêm trọng hơn, gây thiệt hại cho các cộng đồng ven biển nặng nề hơn (bao gồm các tỉnh Đại Tây Dương, như đã xảy ra vào năm 2010). Nhiệt độ đại dương cao hơn cũng có nghĩa rằng các rặng san hô đang chết dần và những rặng mới đang hình thành ở những nơi cách xa xích đạo. Thậm chí

có thể hiểu là chuỗi thức ăn trong đại dương bị phá vỡ, điều này thực sự ảnh hưởng trầm trọng đối với tất cả sự sống trên Trái đất. (Chúng ta thực sự không biết.)

Đại dương nóng lên cũng có nghĩa Vương quốc Anh và Bắc Âu quay trở về nguyên trạng khí hậu nơi này. Lưu ý rằng London gần như có cùng vĩ độ với vịnh James và nếu không có hiệu ứng ấm lên của dòng hải lưu Gulf Stream, nó sẽ lạnh hơn nhiều. Nhưng sông băng Greenland tan chảy, và tảng băng Bắc Cực đang biến mất nhanh chóng tạo ra lượng lớn nước ngọt lạnh đổ xuống eo biển Labrador vào Bắc Đại Tây Dương, làm chậm và loãng dòng chảy của dòng hải lưu. Không chắc rằng đây là nguyên nhân gây ra mùa đông lạnh hơn và tuyết rơi nhiều hơn ở châu Âu gần đây, nhưng nó cũng có thể là một yếu tố góp phần. Lịch sử địa chất cho thấy dòng hải lưu Gulf Stream bị gián đoạn lần trước đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong khí hậu của Bắc Âu.

Hiện tại, nếu khí hậu của Vương quốc Anh và Bắc Âu trở nên lạnh hơn, hãy nghĩ xem điều đó sẽ làm cho nền kinh tế và chính trị của các quốc gia này và của thế giới thay đổi mạnh mẽ như thế nào?

Nhưng giả thuyết cuối cùng tôi muốn đề cập là biến đổi khí hậu cực đoan. Có một số ý kiến cho rằng kỷ băng hà cuối cùng của khoảng 12.000 năm trước được kích hoạt bởi sự nóng lên toàn cầu. Một số nhà địa chất tin rằng các mô hình biến đổi khí hậu mà chúng ta đang thấy hiện nay giống với các mô hình hai kỷ băng hà gần đây nhất. Giả sử sự thay đổi khí hậu dẫn đến hiệu ứng domino khiến chúng ta rơi vào thời kỳ băng hà khác, hậu quả sẽ nghiêm trọng hơn nhiều so với sự nóng lên toàn cầu.

Khi nhìn ở điểm cao nhất của kỷ băng hà cuối cùng, hầu hết Canada nằm dưới ba ki-lô-mét

băng trở lên, nó sẽ gần như không có trên bản đồ. May thay, quan điểm này chỉ mới được một số ít người đặt ra, và chỉ được cho là một khả năng vô cùng thấp. Còn nhiều điều hơn nữa mà ta có thể suy ngẫm về những hậu quả có lợi hoặc bất lợi của biến đổi khí hậu. Chủ quyền Bắc Cực là một trong số đó, nhưng còn hệ quả khác nữa. Tuy vậy, khám phá chủ đề này rõ ràng là một minh chứng chứng tỏ rằng: với bất kì vấn đề nào, việc tìm hiểu về thế giới thực không chỉ dừng lại ở việc xem nó trong các hộp nhỏ và tách biệt, mà cần kết nối chúng để có cái nhìn sâu và rộng hơn. Điều này mới khiến chủ đề tìm hiểu trở nên thực sự hấp dẫn.

“Richard Worzel là một chủ soái của thuyết vị lai ở Canada, và là một trong những diễn giả có tỷ lệ yêu cầu cao nhất trong lĩnh vực thương mại ở quốc gia này. Ông tình nguyện dành thời gian trong khả năng có thể của mình để nói chuyện miễn phí với đối tượng học sinh trung học. Liên lạc với ông qua email tại futurist@futuresearch.com.



©freedesignfile.com

©simplek12.com

ĐỐI CHIẾU TỪ ĐỂ GỌI TÊN VÀ PHÂN LOẠI MÀU SẮC TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

Lê Thái Hưng¹

Từ buổi bình minh của nhân loại, sự sống của con người đã bắt đầu trong một thế giới đầy ắp màu sắc. Sống trong thế giới muôn màu, hiển nhiên con người có nhu cầu truyền tải các thông tin chứa đựng những yếu tố màu sắc trong quá trình giao tiếp với nhau. Với vai trò là phương tiện giao tiếp, ngôn ngữ cung cấp cho con người hệ thống từ vựng đồ sộ để gọi tên và phân loại màu sắc. Đó chính là các từ chỉ màu sắc (Hue terms) và các từ bổ nghĩa cho chúng (Modifiers). Màu sắc chúng ta thấy là như nhau nhưng các ngôn ngữ khác nhau, bằng sự phong phú của mình, lại có cách nói và cách dùng từ khác nhau để gọi tên, điển hình là hai ngôn ngữ Anh-Việt. Điều này tạo nên nét đặc trưng của từng ngôn ngữ nhưng đồng thời cũng là một chướng ngại vật trên con đường giao lưu giữa các nền văn hóa khác nhau. Trong bối cảnh đó, phương pháp so sánh, đối chiếu giữa các ngôn ngữ là sự lựa chọn hàng đầu để vượt qua rào cản ngôn ngữ, đưa con người đến gần nhau hơn. Và nằm trong xu thế chung đó, bài viết này được hình thành với kỳ vọng góp phần vào trào lưu dạy và học tiếng Anh hiện nay tại Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu một số tài liệu liên quan, người viết mong muốn đưa ra được những nhận định chung nhất về sự tương đồng và dị biệt về từ vựng trong quá trình nhận thức và biểu đạt các màu trong hai ngôn ngữ khi nói về màu sắc.

Các cấu trúc từ dùng để gọi tên và phân loại màu sắc trong tiếng Anh

1. Tính từ chỉ màu sắc

(*Adjectives*)

Ví dụ: pink (màu hồng), yellow (màu vàng)...

2. Tính từ chỉ màu sắc có hậu tố

¹ Trường Đại học An Giang (Bộ môn Ngôn ngữ và dịch thuật - Khoa Ngoại ngữ). Điện thoại: 0913 640 420. Địa chỉ liên lạc: 3C4 Nguyễn Biểu, phường Đồng Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

(*Adjectives + -ISH / -Y*)

Ví dụ: yellow (màu vàng) → yellowy (màu vàng nhạt)

brown (màu nâu) → brownish (màu nâu nhạt)

3. Từ chỉ vật được dùng như tính từ chỉ màu sắc

(*Object glosses / Hue terms*)

Ví dụ: brick (viên gạch) - brick (màu gạch)

4. Tính từ chỉ độ đậm nhạt hay độ sáng đi cùng tính từ chỉ màu sắc

(*Adjectives denoting saturation or lightness + Hue terms*)

Ví dụ: light blue (màu xanh da trời nhạt)...

5. Tính từ chỉ màu sắc có hậu tố *-ISH* đi cùng tính từ chỉ màu sắc

(*Adjectives + -ISH + Hue terms*)

Ví dụ: whitish blue (màu xanh trắng)...

6. Từ bổ nghĩa chỉ vật đi cùng tính từ chỉ màu sắc

(*Object glosses + Hue terms*)

Ví dụ: sky blue (màu xanh da trời)...

7. Lặp từ / điệp từ

(*Repeated words*)

Ví dụ: Red red rose (màu đỏ đậm, đỏ thắm)...

Các cấu trúc từ dùng để gọi tên và phân loại màu sắc trong tiếng Việt

1. Từ đơn (chỉ màu sắc)

Ví dụ: tím, nâu...

2. “Màu” đi cùng danh từ chỉ vật

Chuyển đổi từ có nghĩa biểu vật thành từ chỉ màu sắc bằng cách thêm từ *màu*.

Ví dụ: màu hạt dẻ, màu mạ non...

3. Tính từ chỉ màu sắc đi cùng tính từ chỉ độ sang/độ đậm nhạt

Ví dụ: xanh nhạt, vàng đậm...

4. Tính từ chỉ màu sắc đi cùng tính từ chỉ màu sắc

Ví dụ: nâu đen, vàng cam...

5. Tính từ chỉ màu sắc đi cùng từ chỉ vật

Ví dụ: xanh da trời, vàng chanh...

6. Từ láy

Ví dụ: xanh xanh, đỏ đỏ, tím tím, ...

* Một số trường hợp dùng kết hợp từ bỏ nghĩa chỉ độ sáng, độ đậm nhạt với các cấu trúc khác đều được liệt kê vào cấu trúc (3). Ví dụ: xanh da trời đậm, xanh rêu nhạt...

Đối chiếu các cấu trúc từ dùng để gọi tên và phân loại màu sắc trong hai ngôn ngữ Anh-Việt. Nhìn chung, cả hai ngôn ngữ đều có nhiều từ hoặc cách gọi tên và phân loại màu sắc, tuy hình thức của chúng không hoàn toàn giống nhau và mức độ thông dụng cũng không như nhau. Xét về sự tương đồng, cả hai ngôn ngữ đều có các từ chỉ màu sắc cơ bản (trắng, đen,...). Các từ chỉ màu sắc cơ bản trong tiếng Anh và tiếng Việt đều là từ đơn, có hình thức cấu tạo giống nhau. Nhóm từ ghép biểu đạt màu sắc có một số hình thức cấu tạo tương đương như nhau. Từ đó có thể kết luận: tiếng Việt và tiếng Anh đều có các cấu trúc:

↳ Từ đơn chỉ màu sắc

Ví dụ: vàng (yellow), trắng (white), brown (nâu), black (đen)...

↳ Hai từ chỉ màu sắc tạo thành từ ghép.

Ở hình thức này trong tiếng Anh, từ đứng đầu phải có hậu tố *-ISH*.

Ví dụ: trắng xám (greyish white), reddish white (trắng hồng)...

↳ Kết hợp từ chỉ màu sắc và từ chỉ vật

Ví dụ: vàng nghệ, đen như than (coal black), snow white (trắng (như) tuyết)...

↳ Kết hợp từ chỉ màu sắc và từ chỉ mức độ (độ sáng, đậm nhạt)

Các cấu trúc này ở hai ngôn ngữ khác nhau về trật tự từ.

Ví dụ: nâu sẫm (deep brown), deep red (đỏ thẫm)...

↳ Dùng từ chỉ vật như là từ chỉ màu sắc.

Cấu trúc này ở tiếng Việt phải có từ "*màu*" ở trước.

Ví dụ: màu cánh sen, lilac (màu hoa tử đinh hương / màu tím hoa cà)...

↳ Dùng hình thức lặp từ, từ láy

Ý nghĩa của việc sử dụng hình thức này khác nhau ở hai ngôn ngữ. Người Việt thường dùng từ láy để giảm độ đậm của màu sắc, trong khi người nói tiếng Anh thường dùng hình thức này để nhấn mạnh và chỉ đôi khi được tìm thấy trong các tác phẩm văn học.

Ví dụ: vàng vàng, red red...

Mặt khác, tiếng Anh có một hình thức độc đáo của riêng mình là thêm hậu tố vào sau tính từ chỉ màu sắc để chỉ độ nhạt của màu sắc, trong khi tiếng Việt là ngôn ngữ không biến hình nên không có hình thức này.

Ví dụ: reddish, brownly,...

Nói về sự dị biệt trong cấu trúc từ chỉ màu sắc trong hai ngôn ngữ, điều dễ thấy nhất là số lượng từ chỉ màu sắc cơ bản trong hai ngôn ngữ không bằng nhau. Tiếng Anh có 11 từ chỉ màu sắc cơ bản (trắng, đen, đỏ, xanh lá cây, vàng, xanh nước biển, nâu, tím, hồng, da cam, xám) trong khi đó tiếng Việt chỉ có 9 từ màu sắc cơ bản (trắng, đen, đỏ, xanh, vàng, nâu, tím, hồng, xám). Đó là do tiếng Anh có hai màu xanh (green và blue), tiếng Việt chỉ dùng từ một từ xanh để biểu thị hai khái niệm màu này. Trong tiếng Anh màu da cam được cho là màu cơ bản còn tiếng Việt không cho màu này là màu cơ bản. Ngoài ra, từ phân tích cấu trúc từ chỉ màu sắc đã đề cập ở trên cho thấy tiếng Anh mang những đặc điểm của một ngôn ngữ biến hình nên để tạo ra các từ đơn chỉ màu phái sinh từ các từ chỉ màu sắc cơ bản, các hậu tố được thêm vào các từ cơ bản khác nhau để từ mới đạt được các sắc khác nhau của các màu. Trong khi đó, tiếng Việt với tư cách là loại hình ngôn ngữ đơn lập nên không thể tạo nên từ mới bằng cách này mà các từ chỉ màu phái sinh được tạo ra hoặc bằng phương thức ghép giữa từ chỉ màu cơ bản với các từ chỉ sắc độ, hoặc được tạo ra nhờ phương thức láy. Đối chiếu từ bỏ nghĩa chỉ màu sắc trong hai ngôn ngữ Anh-Việt

Đối với từ bổ nghĩa để gọi tên và phân loại màu sắc, Kimberly & Nancy (2002)² đã nêu ra một loạt những từ bổ nghĩa được dùng trong hai ngôn ngữ (với sự khác nhau về mức độ thường xuyên mà chúng được sử dụng trong mỗi ngôn ngữ): VERY-RẤT, PALE-TÁI, BRIGHT-SÁNG / NHẠT, FRESH-TƯƠI, GRAY-XÁM, GRAYISH-HƠI XÁM, MEDIUM-VỪA, MODERATE-HƠI, STRONG-MẠNH / ĐẬM, DARK-ĐẬM, DEEP-SÂU / THẨM, VIVID-RỰC RỠ, PASTEL-NHẠT NHẸ, DULL- TỐI / MỜ, OPAQUE-MỜ / ĐỤC.

Bên cạnh đó, cũng theo Kimberly & Nancy (2002), có nhiều từ bổ nghĩa chỉ có riêng trong mỗi ngôn ngữ³.

TIẾNG ANH	TIẾNG VIỆT
FLUORESCENT/NEON (sáng rực)	CỦ
DILUTE (loãng)	ÓNG ÁNH
CLEAR (rõ nét)	LẤP LÁNH
SOFT (nhẹ)	HƠI HƠI
FADED (mờ nhạt)	HƠI
DIRTY (bẩn, sậm)	THẬT
VIBRANT (rực rỡ)	ĐẦY
GRAINY (nhòe)	NGỌT
STUNNING (tuyệt vời)	TRƠN, MUỐT
SHARP (chói)	ĐẰNG
SHINY/REFLECTING (sang chói)	
BASIC/SIMPLE (đơn điệu)	
BARELY (chỉ)	
HEAVY (nặng nề)	
SUPER (tuyệt)	
REALLY (thật sự)	

Từ kết quả nghiên cứu của mình, Kimberly & Nancy (2002) nhận định tiếng Anh có kho từ đơn chỉ màu sắc rất đa dạng, trong khi vốn từ đơn trong tiếng Việt không đủ nhiều để gọi tên màu sắc nên người Việt phải dùng thêm nhiều từ bổ

nghĩa. Điển hình là trường hợp của màu xanh. Trong tiếng Anh có ba từ GREEN, BLUE, GRU để chỉ ba màu sắc khác nhau, nhưng trong tiếng Việt chỉ có một từ XANH. Do đó, trong tiếng Việt có thêm các từ bổ nghĩa để có thể gọi tên ba màu sắc khác nhau đó: XANH LÁ CÂY, XANH DA TRỜI, XANH RÊU.

Ngoài ra, cuộc nghiên cứu này cũng cho thấy mặc dù người Anh/Mỹ thường dùng nhiều từ đơn hơn nhưng đồng thời vốn từ bổ nghĩa cũng như sự lựa chọn từ của họ phong phú hơn. Điều đó được lý giải là do nền tảng văn hóa khác nhau của hai dân tộc, cùng với sự tác động của các yếu tố địa hình, khí hậu, môi trường tự nhiên.

Hay nói cách khác, hễ dân tộc nào nhận thức về một mảng hiện thực nào đó sâu sắc thì hệ thống từ vựng định danh tương ứng bao giờ cũng phong phú (Trịnh Sâm, 2004)⁴. Ngoài ra, cũng từ kết quả nghiên cứu này, các tác giả kết luận các từ gốc (cả từ chỉ màu sắc cơ bản và từ chỉ vật được dùng như từ chỉ màu sắc) ở cả hai ngôn ngữ được dùng để chỉ ra sự khác biệt về màu sắc, còn các từ bổ nghĩa thì được dùng để chỉ ra sự khác biệt về độ đậm, nhạt.

Ứng dụng kết quả nghiên cứu vào việc dạy và học tiếng Anh cho người Việt

Theo Trịnh Sâm (2004), con người tạo ra ngôn ngữ bằng hai thao tác chủ yếu: gọi tên hiện thực và ghép những tên gọi ấy lại thành câu, thành lời. Cơ chế của thao tác thứ nhất là cơ chế định danh, bao gồm cả các phương thức định danh hiện thực bằng từ đơn, từ láy, từ phát sinh và từ ghép. Đúng như vậy, trong cả hai ngôn ngữ Anh-Việt đều có nhiều loại từ đa dạng được dùng để gọi tên màu sắc. Hầu hết các từ, cấu

2 Kimberly A. Jameson, Nancy Alvarado . The Use of Modifying Terms in the Naming and Categorization of Color Appearances in Vietnamese and English. Journal of Cognition and Culture, 2002, Vol. 2, issue 1, 2002

3 Do các từ tiếng Anh nêu trên là đặc trưng của ngôn ngữ Anh nên sự biên dịch của người viết chỉ mang tính tương đối.

4 Trịnh Sâm (2004). Đi tìm bản sắc tiếng Việt. NXB Trẻ.

trúc trong tiếng Việt đều có đơn vị tương đương trong tiếng Anh. Tuy nhiên, người dạy hay người học tiếng Anh không thể chỉ đơn giản chuyển các từ tiếng Việt sang các từ tương đương trong tiếng Anh bởi nó sẽ trở thành một thứ tiếng Anh xa lạ đối với người bản xứ. Thay vào đó, họ phải tìm hiểu cách thức, thói quen dùng từ của người bản xứ để có thể diễn đạt ý tưởng của mình bằng tiếng Anh chuẩn (Standard English).

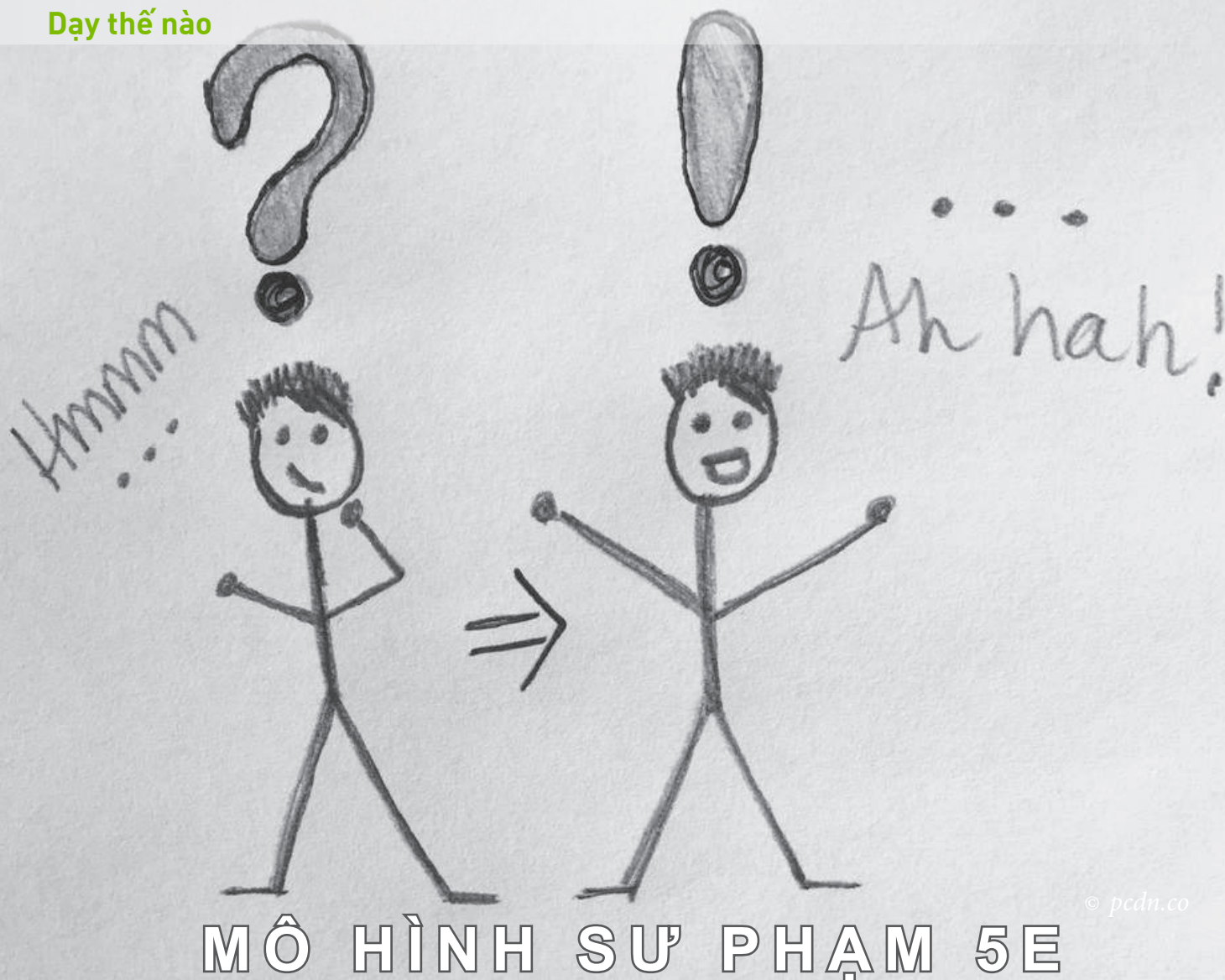
Trong thế giới được mệnh danh là “thế giới của sự kết nối” ngày nay, việc nghiên cứu đối chiếu giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ khác là không thể thiếu, đặc biệt là đối với tiếng Anh – thứ tiếng thông dụng nhất hiện nay. Hơn nữa, trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ trong thời đại mới, giáo viên không nên chỉ dạy ngoại ngữ như thể nó chỉ là những từ khác với những từ trong ngôn ngữ của chúng ta. Điều mới mẻ và quan trọng nhất trong việc soạn giáo trình giảng dạy là sự so sánh ngôn ngữ bản địa với ngôn ngữ nước ngoài để tìm ra những khó khăn thực sự phải khắc phục trong quá trình giảng dạy (Lado, 1957. Hoàng Văn Vân dịch, 2002)⁵. Người dạy khi hiểu được những vấn đề phức tạp liên quan đến hai ngôn ngữ sẽ có khả năng đưa ra cách giảng dạy phù hợp hơn cho người học. Cụ thể trong trường hợp này, khi các cấu trúc từ vựng chỉ màu sắc trong hai ngôn ngữ Anh-Việt,

trong đó có sự tương tác giữa từ bỏ nghĩa và từ đơn, được hiểu rõ hơn thì việc dạy và học tiếng Anh sẽ trở nên dễ dàng hơn. Trên tất cả, người dạy ngôn ngữ nên nhớ dòng sông ngôn ngữ không ngừng chảy (Saussure, 1983)⁶. Do những ảnh hưởng và tác động của xã hội, lớp từ vựng trong mỗi ngôn ngữ luôn vận động, sản sinh và tự làm giàu vốn từ vựng của ngôn ngữ mình để phục vụ những nhu cầu về mặt diễn đạt mới, những nhu cầu giao tiếp mà xã hội đặt ra. Với tư cách là công cụ giao tiếp quan trọng nhất, ngôn ngữ luôn biến đổi để đáp ứng nhu cầu diễn đạt. Ngôn ngữ ngày càng phát triển theo thực tế sử dụng chứ không phải là những quy luật bất biến. Do đó, người dạy hay học ngoại ngữ phải luôn cập nhật những thông tin mới nhất về thực tế sử dụng ngôn ngữ.



5 Robert Lado (1957). *Linguistics across cultures*. Michigan university Press. Hoàng Văn Vân dịch (2002). *Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa*. NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

6 Saussure, F. de (1983). *Course in General Linguistics*. Roy Harris. Paris : Duckworth



Nguyễn Ngọc Diệp dịch

Mô hình 5E mô tả một quá trình giảng dạy liên tục có thể được sử dụng cho toàn bộ chương trình, các đơn vị bài học đặc thù và các bài học riêng lẻ. NASA eClips™¹ hỗ trợ chu trình học tập kiến tạo theo mô hình sự phạm 5E, giúp học sinh xây dựng kiến thức của riêng mình từ những kinh nghiệm và ý tưởng mới.

Vậy 5Es là gì?

5Es đại diện cho năm giai đoạn của quá trình dạy và học liên tục: **Gắn kết (Engage)**, **Khám phá (Explore)**, **Giải thích (Explain)**, **Phát triển (Extend)** hoặc **Tinh chỉnh (Elaborate)**, và **Đánh giá (Evaluate)**.

¹ NASA eClips™ là những phân đoạn video ngắn về giáo dục - những video này truyền cảm hứng và động viên học sinh, giúp học sinh thấy được mối liên hệ với thế giới thực bên ngoài.
<http://nasaclips.arc.nasa.gov/>

Gắn kết (Engage): Mục đích của giai đoạn Gắn kết (Engage) là khơi gợi hứng thú của học sinh và làm cho học sinh tự nguyện tham gia vào bài học, trong khi đó đánh giá trước được kiến thức sẵn có của học sinh. Trong trải nghiệm này, học sinh lần đầu được thử sức và rồi tự xác định nhiệm vụ học. Trong giai đoạn **Gắn kết**, học sinh tự tạo ra mối liên hệ giữa kinh nghiệm học tập trước đây và những kiến thức đang có, tự thiết kế một cách có tổ chức nền tảng các việc phải làm cho các hoạt động tiếp sau. NASA eClips™ được thiết kế để gắn kết học sinh. Thông qua các cuộc thảo luận, video có thể được sử dụng để khám phá những kiến thức học sinh sẵn có trước đó. Hình thức sử dụng video giúp khơi gợi sự tò mò của học sinh và khuyến khích học sinh tự đặt câu hỏi.

Khám phá (Explore): *Mục đích của giai đoạn Khám phá (Explore) là để học sinh tham gia vào từng chủ đề; cung cấp cho học sinh cơ hội để tự xây dựng kiến thức riêng.* Trong giai đoạn **Khám phá**, học sinh có cơ hội tham gia trực tiếp vào việc giải thích các hiện tượng thực cũng như kiến thức trong tài liệu học. Khi làm việc theo nhóm, học sinh cùng xây dựng, tập hợp các kinh nghiệm chung với mục đích nhấn mạnh việc chia sẻ và giao tiếp. Giáo viên đóng vai trò là người hỗ trợ, cung cấp tài liệu và định hướng mục tiêu cho học sinh. Việc học sinh thực hiện quá trình truy vấn giúp thúc đẩy việc truyền đạt kiến thức trong khi khám phá. Học sinh tích cực học tập bằng cách truyền đạt kiến thức khoa học thông qua phương pháp truy vấn và các thử thách về mặt kỹ thuật. Điều nhấn mạnh đặt ra ở đây là: Đặt câu hỏi, Phân tích Dữ liệu và Tư duy Phản biện. NASA eClips™ giúp học sinh tự khám phá các chủ đề mới. Thông qua việc tự thiết kế hoặc nghiên cứu, học sinh đưa ra các giả thuyết, kiểm tra dự đoán của mình và dần dần đưa ra kết luận của mình.

Giải thích (Explain): *Mục đích của giai đoạn Giải thích (Explain) là cung cấp cho học sinh cơ hội để chia sẻ những gì đã học được từ trước đến giờ và tìm hiểu bản chất thực của kiến thức đó.* **Giải thích** là giai đoạn mà học trò bắt đầu truyền đạt những gì đã học được. Cách thức dùng ngôn ngữ là động lực giúp người học sắp xếp các chuỗi sự kiện thành một hình thức hợp lý, logic. Việc truyền đạt kiến thức xuất hiện khi bạn bè trao đổi với nhau, khi người học trao đổi với người hỗ trợ, và thông qua quá trình thể hiện kiến thức. Khi học sinh tự hình thành kiến thức, học sinh có thể sử dụng NASA eClips™ với mục đích giúp tóm tắt hoặc giải thích ý tưởng của mình. Các phân đoạn này giúp khai vỡ ra từ vựng trong các ngữ cảnh và chỉnh sửa hoặc định hướng lại để thay đổi những quan niệm, nhận thức sai lầm.

Phát triển (Extend): *Mục đích của giai đoạn Phát triển (Extend) là cho phép học sinh vận dụng kiến thức mới và tiếp tục khám phá hệ quả suy luận ra từ những kiến thức đó.* Ở giai đoạn **Phát triển**, học sinh mở rộng các khái niệm đã học, tìm mối liên hệ với các khái niệm khác có liên quan và áp dụng những hiểu biết của đó vào thế giới xung quanh mình theo cách mới. Các phân đoạn của NASA eClips™ giúp học sinh phát triển và áp dụng những gì đã học được vào các tình huống mới và lạ.

Đánh giá (Evaluate): *Giai đoạn Đánh giá (Evaluate) dành cho cả học sinh và giáo viên, với mục đích xác định mức độ học tập của học sinh và lượng kiến thức được truyền đạt và tiếp nhận.* **Evaluate**, chữ “E” cuối cùng, đại diện cho việc dự đoán quá trình đang diễn ra, cho phép giáo viên xác định xem người học có đạt đủ yêu cầu hiểu biết về các khái niệm và kiến thức hay không. Đánh giá kết quả và đánh giá quá trình có thể xảy ra tại bất kỳ thời điểm nào trong suốt quá trình giảng dạy liên tục. Một số công cụ hỗ trợ trong quá trình dự đoán này là: rubric, đánh giá của giáo viên, phỏng vấn học sinh, hồ sơ học sinh, và các sản phẩm của phương pháp học tập qua vấn đề và học tập qua dự án. Phân đoạn video có thể được sử dụng để xác định chiều sâu kiến thức của học sinh. Học sinh sẽ hào hứng thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua các tạp chí, bản vẽ, mô hình và thành quả nhiệm vụ của mình.

Ai đã phát triển ra mô hình 5E?

Nhóm Nghiên cứu Chương trình giảng dạy Khoa học Sinh học (BSCS²-The Biological Sciences Curriculum Study), được dẫn đầu bởi nhà nghiên cứu chủ chốt Rodger Bybee, đã phát triển mô hình sư phạm cho thuyết kiến tạo, được gọi là “Five Es”

2 BSCS là một trung tâm giáo dục hỗ trợ các tài nguyên dạy học, hỗ trợ giáo dục và tiến hành nghiên cứu và đánh giá các lĩnh vực khoa học và công nghệ. Tổ chức BSCS được thành lập vào năm 1958 và chính thức thành tổ chức phi lợi nhuận độc lập vào năm 1973, trụ sở tại Colorado Springs, Colorado.

(5Es). Các mô hình khác đã được điều chỉnh và phát triển từ mô hình gốc bao gồm mô hình 6E và 7E.

Thuyết kiến tạo là gì?

Thuyết kiến tạo là một triết lý về học tập trong đó mục tiêu cần đạt là người học tự xây dựng hiểu biết của mình về các ý tưởng mới. Hai trong số các nhà nghiên cứu kiến tạo lỗi lạc nhất là: **Jean Piaget**³ (các giai đoạn phát triển nhận thức) và **Howard Gardner**⁴ (đa trí tuệ).



3 Jean Piaget là nhà tâm lý học người Thụy Sĩ, ông được biết tới qua những nghiên cứu về sự phát triển về trẻ con.

4 Howard Gardner (tên đầy đủ là Howard Earl Gardner) là nhà nghiên cứu phát triển tâm lý người Mỹ, ông rất nổi tiếng bởi Thuyết đa trí tuệ, đã được đề cập đến trong quyển *Cơ cấu trí khôn: Lý thuyết về nhiều dạng trí khôn* - NXB Giáo dục 1997 (*Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences* được ông viết năm 1983).



© verywellmind.com

TẠO ĐỘNG LỰC CHO CÁC KHOÁ HỌC TRỰC TUYẾN

Lê Thanh Hằng *tổng hợp*

Giữ người học có động lực trong suốt một khóa học eLearning là một thách thức đối với ngay cả những nhà thiết kế dày dạn nhất. Không chỉ khó khăn để giữ học viên tham gia offline, mà còn huấn luyện không đồng bộ gặp hàng loạt những thách thức lớn hơn. Không có cách nào để đọc tín hiệu thị giác nếu sinh viên đang buồn chán hoặc cho một người hướng dẫn để chuyển hướng đào tạo nếu có những câu hỏi. Các khóa học trực tuyến cũng cung cấp một tính năng ẩn danh có thể ngăn chặn một số học viên tham gia vào tất cả các khóa học.

Vậy, chìa khóa để thúc đẩy người học và đảm bảo họ theo đúng tiến trình khóa học là gì? Bí quyết là để cách thiết kế với các yếu tố thúc đẩy động lực trước, trong và thậm chí sau khi hoàn

thành khóa học. Cuối cùng, bạn không thể khiến ai đó học, mà không tạo ra một môi trường khuyến khích học tập.

Dưới đây là một số đề nghị cách để duy trì động lực học trước, trong và cả sau khóa học eLearning của bạn.

Trước khóa học

Kỹ thuật #1: Bắt đầu bằng việc đặt nền móng và xây dựng kỳ vọng cho khóa học.

Tìm ra một cách để níu kéo người học trước khi chúng bắt đầu khóa học. Điều này có thể được thực hiện thông qua một hoạt động trước khi bắt đầu học hoặc một đoạn video ngắn giới thiệu nội dung. Bằng cách tạo ra sự mong đợi, bạn đang xây dựng sự hứng thú cho học viên và động viên họ thậm chí trước khi truy cập nội dung.

Ý tưởng: Hãy tạo một tiêu đề hấp dẫn cho khóa học. Điều này sẽ tạo ra sự quan tâm cũng như sự chú ý của người học.

Kỹ thuật # 2: Truyền đạt kỳ vọng và mục tiêu trước khi khóa học bắt đầu.

Bằng cách chia sẻ với các học viên những gì họ có thể mong đợi, bạn đã đang động viên các học viên để đáp ứng các tiêu chuẩn đặt ra. Hãy rất rõ ràng về cách nội dung sẽ được tổ chức và đặt ra các kết quả mong đợi. Điều này loại bỏ một số lo lắng và bắt đầu có được những người học cảm thấy hào hứng về việc hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra.

Theo [GetAdministrate](https://www.getadministrate.com/blog/managing-expectations-when-training-communicating-expectations-to-students/)¹, có một số cách để làm điều này:

- Cung cấp đề cương chi tiết với các kỳ vọng và bài tập.
- Liệt kê các kỳ vọng ở các slide bắt đầu khóa học của bạn.
- Chỉ ra những nét chính trong phần tổng quan khóa học trực tuyến.

Kỹ thuật # 3: Biết học viên của bạn là ai

Tìm hiểu người học của bạn là ai và đánh giá nhu cầu của họ trước khi thiết kế khóa học. Nếu có thể, gửi một cuộc thăm dò để xác định các hạng mục như những nhiệm vụ nào người học cần để hoàn thành công việc của họ, tìm hiểu xem họ đã quen thuộc với các thuật ngữ kỹ thuật và xác định mức độ kinh nghiệm trung bình người học. Đánh giá kỹ lưỡng có thể cung cấp chìa khóa xác định những yếu tố sẽ thúc đẩy họ. Sự thấu hiểu này có thể là yếu tố để xây dựng các kết nối tình cảm giữa người học và các nội dung, tiếp tục tăng cường động lực nội tại.

[Link tới 27 câu hỏi gợi ý để giúp bạn thực sự hiểu người học.](https://www.getadministrate.com/blog/managing-expectations-when-training-communicating-expectations-to-students/)²

1 <https://www.getadministrate.com/blog/managing-expectations-when-training-communicating-expectations-to-students/>

2 <http://info.shiftelearning.com/blog/get-to-know->

Kỹ thuật # 4: Giải thích giá trị khóa học của bạn trước

Hãy để cho người học biết một cách cụ thể nhất những gì khóa học eLearning này sẽ cải thiện các kỹ năng liên quan đến hiệu suất công việc của họ. Chỉ ra sự liên quan nội dung sẽ trực tiếp làm tăng số tiền người học sẵn sàng chi trả. Giải thích cách khóa học có thể giúp họ làm chủ một kỹ năng cụ thể hoặc giải quyết một vấn đề. Liên kết nội dung với các sự kiện hiện tại và tình huống thực tế để họ nhìn thấy sự liên quan.

Trong khóa học

Kỹ thuật # 1: Thiết kế cho sự tham gia tích cực.

Năm 2014, nghiên cứu của Freeman³ và các cộng sự đã chỉ ra tác động của các hoạt động tích cực tới kết quả của học sinh trong các môn Khoa học, Kỹ thuật và Toán học. Nghiên cứu đã tìm thấy rằng học tập chủ động tăng tính lưu giữ, hiểu biết, và vượt qua giới hạn.

Tạo các hoạt động khuyến khích sự khám phá. Con người học tốt nhất từ kinh nghiệm, và trải nghiệm càng xác thực và tạo cơ hội tham gia, việc học càng tốt hơn. Trình bày một vấn đề phổ biến và cung cấp các nguồn lực cho các học viên để tạo ra các giải pháp riêng của họ. Việc kiểm soát của quá trình học tập cung cấp động-lực-tự sinh và sự tham gia sâu hơn trong nội dung.

Kỹ thuật # 2: Cung cấp phản hồi có liên quan và trực quan tiến trình.

Bao gồm các quiz, trò chơi hoặc bài tập tương tác cung cấp các loại thông tin phản hồi giúp người học theo dõi sự tiến bộ của mình. Đảm bảo rằng các thông tin phản hồi là ngay lập tức là để sinh viên có thể sử dụng các thông tin cho bài tập tiếp theo. Tìm cách để kết hợp một hình ảnh trực quan chỉ ra sự tiến bộ, chẳng hạn như

[your-learners-better-elearning](https://www.pnas.org/content/111/23/8410.abstract)

3 <https://www.pnas.org/content/111/23/8410.abstract>

một cột đo sự tiến bộ được điền đầy khi mô-đun được hoàn thành. Động lực sẽ tăng khi thành công là trực quan.

Kỹ thuật # 3: Sử dụng kết hợp các chiến lược giảng dạy.

Không chỉ cung cấp sự đa dạng gia tăng sự tham gia, mà người học nhất định có thể có thành công với các chiến lược khác nhau dựa trên phong cách học tập cá nhân của họ. Các ví dụ phối hợp, các case study, hình ảnh và infographics, kịch bản, video, hợp tác và trò chơi khuyến khích người học chủ động theo những cách khác nhau. Thông qua tiếp xúc với nội dung đa dạng, họ sẽ tiếp tục tham gia và, do đó, được tạo động lực.

Kỹ thuật # 4: Khuyến khích giao tiếp.

Trong khi điều này có thể khá thử thách qua eLearning, tìm cách để học sinh có thể liên kết với người khác học cùng khóa học có nội dung tương tự như thông qua các phương tiện truyền thông xã hội, blog hoặc diễn đàn thảo luận. Học tập là xã hội, và con người có nhiều thành công trong hợp tác hơn là cô lập. Chia sẻ ý tưởng và nhận được phản hồi từ những người khác giữ người học có động lực để học hỏi.

Kỹ thuật # 5: Phá vỡ nội dung của bạn.

Thiết kế eLearning tốt phân nội dung thành từng đoạn theo cách người học nhớ được những gì họ đã học được. Mẫu nhỏ thông tin không chỉ là dễ dàng hơn để đồng hóa, mà chúng còn cho phép người học hoàn thành các hoạt động một cách nhanh chóng và theo một cách thuận tiện cho họ. Phân đoạn giúp tạo ra một khuôn khổ nội bộ để xử lý thông tin, do đó làm cho người học không chỉ thành công hơn mà còn thêm động lực để tiếp tục quá trình học tập của mình.

[Những con số không nói dối: Tại sao học tập bite-sized là tốt hơn cho người học của bạn \(và](#)

[cả bạn\)](#)⁴

Sau khóa học

Kỹ thuật # 1: Chúc mừng hoàn thành khóa học

Người học vẫn có động lực khi họ có nhận thức về những thành tích của họ. Bạn không chỉ nên tìm cách để cho người học nhận được thông tin phản hồi trong suốt khóa học, mà cũng tìm cách khuyến khích học tập, ngay cả sau khi khóa học kết thúc. Thử thách người học để họ tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu để giải quyết các vấn đề phức tạp hơn. Cung cấp một giấy chứng nhận khóa học hoặc một giải thưởng nhỏ hoặc công nhận cho một công việc thực sự rất tốt.

Kỹ thuật # 2: Cung cấp Takeaways⁵

Cung cấp cho người học một cái gì đó để quay trở lại với công việc của họ, chẳng hạn như trợ giúp công việc, một câu trích dẫn hoặc infographic. Nếu không có bất kỳ sự củng cố nào, người học có thể quên lên đến 90% khóa học trong vòng một vài ngày. Giúp họ nhớ với một cái gì đó cụ thể mà có quan hệ trực tiếp trở lại nội dung. Họ càng nhớ, họ sẽ càng có động lực để thực hành các kỹ năng đã học trong suốt khóa học.

Giữ người học có được động lực là một quá trình khó khăn, đặc biệt là với các khóa học eLearning. Đánh bại các thách thức thúc đẩy động lực bằng cách xây dựng kỳ vọng trước khóa học, giữ học viên tham gia liên tục trong suốt quá trình học và giữ cho họ suy nghĩ dài hơn sau khi khóa học kết thúc. Các học viên nên luôn luôn đứng đầu trong tâm trí của bạn khi bạn thiết kế bởi vì thành công của họ dẫn đến động lực nội sinh, từ đó dẫn đến mục tiêu cuối cùng của việc học.

4 <https://www.shiftelearning.com/blog/numbers-dont-lie-why-bite-sized-learning-is-better-for-your-learners-and-you-too>

5 Những thứ có thể đem về và dùng ngay được, hoặc một thông điệp có thể thấm thấu dần



LÃNH ĐẠO GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

Katherine Casey¹ | Diệu Nguyễn dịch

Bài viết dưới đây tóm lược phân tích của Katherine Casey (học vị Tiến sỹ ĐH Harvard, Giám đốc Trung tâm Thực hành Nghiên cứu Sáng tạo tại Hệ thống các trường Công Denver) về những chiến lược và ý tưởng lãnh đạo nhằm xây dựng một trường học chất lượng, bền vững, hướng tới phát triển năng lực cho học sinh và giáo viên.

Chương trình cải cách giáo dục mới của Việt Nam tới đây được xây dựng theo hướng phát triển năng lực cho người học. Theo quồng quay đó, phương pháp sư phạm (giáo viên) và cơ chế vận hành trường học (nhà quản lý) cũng cần thích ứng, hay nói chính xác hơn, là tiên phong cải tiến để tạo ra một môi trường giáo dục phù hợp với mục tiêu mới. Là một nhà lãnh đạo trường học, ắt hẳn quý vị vừa tự hào lại vừa dững cảm với trọng trách trên vai. Có thể không trực tiếp giảng dạy học sinh, nhưng những quyết định của đội ngũ quản lý, những giá trị mà người lãnh đạo làm gương hay những hành động hàng

¹ Casey, K. (2019) Actions - Ideas and strategies for school leaders. Truy cập từ: <https://www.competencyworks.org/uncategorized/actions-ideas-and-strategies-for-school-leaders/>



ngày, dù vô tình hay có chủ đích, đều ảnh hưởng trực tiếp tới giáo viên và trường học nói chung.

Để đào tạo, nuôi dưỡng và phát triển giáo viên trong một nền giáo dục định hướng phát triển năng lực, Casey đề xuất 3 ý tưởng lớn và 10 chiến lược hành động dành cho các nhà lãnh đạo trường học tại Hoa Kỳ. Quý độc giả, nếu thấy hữu ích, có thể cụ thể hóa và chất lọc sao cho phù hợp với đặc thù của trường mình. Xây dựng và vận hành trường học là một quá trình thay đổi không ngừng phụ thuộc lớn vào hiện trạng thực tế, những chia sẻ dưới đây không phải là “món ăn sẵn trên bàn tiệc” ai cũng có thể dùng ngay. Thay vào đó, hãy sử dụng chúng như một gợi ý cho các cuộc thảo luận về quản trị hay cải tổ trường học.

3 quan điểm quản trị trường học

1. Trường học là nơi thực hành triết lý và các chính sách bình đẳng trong giáo dục. Ví dụ, ưu tiên tính đa dạng và đại diện khi tuyển dụng, tạo môi trường hòa nhập dành cho mọi giáo viên, hỗ trợ giáo viên đồng thời trao quyền tự chủ và trách nhiệm cho mọi người, phân bổ thời gian để giáo viên tạo ra kết nối bền chặt với học sinh, gia đình và đồng nghiệp.

2. Lãnh đạo là tấm gương phản chiếu tư duy. Suy nghĩ và hành động của nhà lãnh đạo tác động sâu sắc tới suy nghĩ và hành động của các giáo viên trong trường học. Tư duy và quan điểm lãnh đạo của mỗi người sẽ thể hiện trong những hành động và giao tiếp hàng ngày với giáo viên hay những quyết định về nguồn lực nhân sự, tài chính, thời gian và không gian.

3. Thời gian có tác dụng đòn bẩy quan trọng. Lãnh đạo thường không kiểm soát được mọi biến số trong trường học nhưng lại tương đối tự chủ về mặt thời gian. Bên cạnh vô vàn nhiệm vụ, dành thời gian để tháo gỡ các nhu cầu của giáo viên đóng vai trò quan trọng. Theo tính chất bắc cầu, giáo viên sẽ an tâm và sẵn sàng dành thời gian cho học sinh.

10 chiến lược hành động

Khởi động

1. Gắn kết nhân viên, học sinh và các gia đình trong việc chia sẻ các góc nhìn khác nhau về hoạt động dạy và học diễn ra tại trường, trong việc sớm xây dựng kế hoạch và đánh giá học tập cũng như thiết lập những mối quan hệ khăng khít giữa các bên.

2. Hiểu trường mình: qua những chia sẻ của các bên liên quan (học sinh, gia đình, giáo viên...), đánh giá thực trạng công tác giảng dạy và quản lý trường học, hãy kiên định với sứ mệnh của trường và tìm kiếm giải pháp trước những khó khăn.

3. *Hiểu phong cách lãnh đạo của bản thân* từ những thông tin trước đó, kết hợp với lời khuyên/góp ý từ cố vấn và suy ngẫm của bản thân.

Xây dựng cơ chế thúc đẩy giáo viên học tập phát triển chuyên môn

4. *Liên kết tầm nhìn hướng dẫn sư phạm với năng lực của giáo viên.* Hãy bắt đầu bằng câu hỏi “Giáo viên có những kỹ năng nào để thành công trong mô hình trường học này? Thành thạo các kỹ năng đó có nghĩa là như thế nào?”, sau đó xác định “những nguyên tắc sư phạm và lãnh đạo quan trọng nhất” và cuối cùng so sánh sự tương đồng giữa “năng lực giáo viên” và “năng lực học sinh”.

5. *Cân nhắc sự lựa chọn của giáo viên.* Các buổi đào tạo chuyên môn thường xoay quanh một nội dung dưới một hình thức thức triển khai, tại một địa điểm theo một lịch trình đã định! Hãy giúp giáo viên khám phá ra nhu cầu học tập của bản thân và tự đề xuất phương pháp học tập (nhu cầu này cần phù hợp với triết lý và nguyên tắc sư phạm của trường học).

6. *Để giáo viên chứng minh sự tiến bộ của bản thân.* Đừng đánh giá họ bằng cách điểm danh trong các buổi đào tạo chuyên môn, bởi vì sự có mặt đó không chứng minh được kiến thức, năng lực và sự tiến bộ của họ. Thay vào đó, có thể tìm hiểu sự tiến bộ của họ thông qua những suy nghĩ và phản hồi của họ sau buổi học, kết hợp với các hình thức thể hiện hiểu biết và kỹ năng khác nhau.

Thúc đẩy sự hợp tác và trách nhiệm lãnh đạo

7. *Ưu tiên sự hợp tác giữa các giáo viên, ví như dự giờ và góp ý bài giảng.* Trường học ưu tiên phát triển chuyên môn và năng lực học tập của giáo viên khi hợp tác trở thành một yêu cầu cơ bản trong các hoạt động thường ngày. Giáo viên có thể cùng nhau lập kế hoạch giảng dạy, cùng tìm ra giải pháp giúp đỡ học sinh, và quan sát/

trao đổi phương pháp dạy học cho nhau. Hãy biến hợp tác và làm việc nhóm trở nên ý nghĩa đối với mỗi giáo viên. Hãy giải thích mục đích và hướng dẫn cơ chế hợp tác.

8. *Xây dựng hệ thống phân quyền lãnh đạo và quản lý.* Distributed leadership (tạm dịch: phân quyền lãnh đạo) là chìa khóa tạo nên những cá nhân có trách nhiệm, sẵn sàng hợp tác, và cơ hội để họ trau dồi bản thân.

Nuôi dưỡng sự bình đẳng trong giáo dục

9. *Ưu tiên sự đa dạng và tính đại diện* của nguồn nhân lực và xây dựng môi trường hòa nhập, đề cao sự khác biệt và dung hòa các nền văn hóa khác nhau. Điều này giúp giáo viên tạo ra một môi trường đa dạng mà an toàn cho học sinh.

10. *Đồng hành cùng giáo viên trong việc loại bỏ và chịu trách nhiệm với những định kiến cá nhân.* Khi trường học chuyển tiếp sang mô hình giáo dục bình đẳng lấy học sinh làm trọng tâm, tất cả mọi giáo viên đều cần hiểu và loại bỏ những định kiến này. Nhà lãnh đạo trường học có thể đơn giản hóa quá trình chuyển tiếp, giải thích với giáo viên lý do và sự cấp thiết dẫn đến thay đổi và cam kết sẽ hỗ trợ tối đa.



© H. Quang - Giadinh.net.vn

CHĂM LO VIỆC HỌC TẬP THƯỜNG XUYỀN CHO NGƯỜI LỚN, NHIỆM VỤ RẤT QUAN TRỌNG VÀ BỨC THIẾT HIỆN NAY

Nhà giáo Ưu tú Nguyễn Đình Bưu¹

Khi nói đến giáo dục thì nhiều người mới quan tâm đến giáo dục chính quy (giáo dục ban đầu) trong các nhà trường (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, trung cấp, cao đẳng, đại học) đối với thế hệ trẻ mà chưa nghĩ đến còn một nhiệm vụ vô cùng quan trọng nữa của giáo dục là chăm lo việc học tập thường xuyên cho người lớn (giáo dục tiếp tục). Nếu như đối tượng của giáo dục chính quy chỉ chiếm khoảng 25% dân số thì đối tượng của giáo dục tiếp tục lại chiếm tới hơn 70% dân số. Giáo dục

chính quy sẽ tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho cả tương lai gần và xa còn giáo dục tiếp tục sẽ bổ sung những kiến thức và kỹ năng còn thiếu để góp phần nâng cao trình độ, năng lực nhiều mặt cho những người đang trực tiếp tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội, tạo ra năng suất lao động và tăng trưởng GDP cao hơn...

Thời gian qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp để giải quyết việc học tập cho người lớn, nhất là kể từ khi thành lập Hội Khuyến học đến nay, việc tổ chức học tập cho người lớn có bước tiến bộ lớn:

¹ Nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá

Các Trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn do Hội Khuyến học tham mưu cho chính quyền thành lập mỗi năm cả nước thu hút khoảng hơn 10 triệu lượt người lớn học tập. Phong trào học tập thường xuyên của cán bộ, công chức, viên chức và công nhân lao động đã tiến bộ hơn trước nhiều.

Phong trào xây dựng gia đình, dòng họ, khu dân cư hiếu học trong giai đoạn 2000 – 2014 và phong trào xây dựng gia đình, dòng họ, cộng đồng, cơ quan, doanh nghiệp học tập hiện nay đã tiếp sức thêm cho người lớn học tập tốt hơn... Các cơ sở giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp ở cấp huyện và các trung tâm giáo dục thường xuyên ở các trường đại học, cao đẳng trong tỉnh cũng góp phần tăng nhanh số lượng người lớn vừa làm vừa học với các trình độ khác nhau. Nhờ đó mà đã đóng góp vào tỷ lệ người lao động được đào tạo của cả nước đến năm 2018 đạt khoảng 60%; Tỷ lệ lao động được đào tạo và được cấp chứng chỉ trở lên chiếm trên 20%.

Kết quả học tập của người lớn trong thời gian qua đã góp phần rõ rệt trong việc nâng cao trình độ dân trí, nhất là nâng cao nhận thức về nhiều mặt nên tạo thêm sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội. Nhiều hộ nông dân nhờ tiếp thu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật mà tổ chức được các mô hình sản xuất mới, du nhập các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và hiệu quả kinh tế cao; du nhập thêm ngành nghề mới... đóng góp tích cực vào xóa đói giảm nghèo và tăng nhanh số hộ khá, giàu. Một số doanh nghiệp do thường xuyên đào tạo lại cho công nhân lao động nên chất lượng sản phẩm và năng suất lao động cao hơn trước. Khu vực cơ quan nhà nước do đào tạo và đào tạo lại liên tục mà cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đã đạt chuẩn, một bộ phận còn đạt trên chuẩn vv.

Tuy nhiên, kết quả đó mới chỉ là bước đầu. Trong

tỉnh vẫn còn một bộ phận không nhỏ người dân chưa được học tập, nhất là ở khu vực miền núi, ven biển và công nhân lao động trong nhiều doanh nghiệp... Nhìn chung việc tổ chức học tập cho người lớn còn chưa đạt được yêu cầu đẩy nhanh hơn việc nâng cao dân trí và đào tạo nghề để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu xây dựng con người Việt Nam, xây dựng và phát triển văn hóa, phát triển kinh tế, nhất là trước yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0...

Những tồn tại, yếu kém, vướng mắc trong việc tổ chức học tập cho người lớn là do các nguyên nhân sau đây:

1. Do còn chưa nhận thức đầy đủ vị trí, yêu cầu và tầm quan trọng của giáo dục người lớn nên việc lãnh đạo, chỉ đạo chưa được đề cao. Còn một bộ phận khá đông người dân và công chức, viên chức, công nhân lao động chưa thấy sự bức thiết của việc học tập thường xuyên, học tập suốt đời nên còn thỏa mãn với những hiểu biết của mình. Quan niệm chỉ cần học một lần trong đời là đủ còn nặng nề. Bệnh hình thức trong học tập: Học đối phó, học không thực chất, học giả bằng thật... còn phổ biến.

Đề án xây dựng xã hội học tập (XHHT) giai đoạn 2012 – 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và nhiều tỉnh, thành phố đã có chỉ thị của cấp ủy Đảng và chính quyền tỉnh đã phê duyệt Đề án XD XHHT trên địa bàn. Trong đó nhiệm vụ trọng tâm là giáo dục người lớn nhưng sự chuyển biến vẫn còn hạn chế; một số nơi việc lãnh đạo, chỉ đạo XD XHHT còn bị coi nhẹ nên kết quả đạt được chưa rõ nét.

2. Hệ thống giáo dục trong cả nước đã hình thành cả 2 bộ phận giáo dục chính

quy và giáo dục thường xuyên và đạt được nhiều kết quả quan trọng nhưng thực chất giáo dục thường xuyên vẫn chưa đặt tương xứng như giáo dục chính quy. Nhiều nơi các cấp ủy, chính quyền và ngay cả các cấp quản lý giáo dục chỉ mới tập trung sức lực vào phát triển và quản lý giáo dục chính quy còn giáo dục thường xuyên cho người lớn thì ít được quan tâm.

3. Thiếu cơ chế, chính sách đầy đủ, đồng bộ và thiếu nhiều điều kiện để phát triển mạnh mẽ quy mô, hình thành hệ thống và nâng cao chất lượng, hiệu quả của giáo dục thường xuyên nên ngành học này chưa đủ sức đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Nhiều Doanh nghiệp chưa dành thời gian, kinh phí để tổ chức việc học thường xuyên, đào tạo lại công nhân lao động nên quyền được học tập không được thực hiện và cũng khó mà nâng cao được năng suất lao động ở đó.

Đất nước ta đã và đang đổi mới thành công, đạt được thành tựu có ý nghĩa lịch sử nhưng so với các nước trong khu vực thì còn khoảng cách khá xa. Một trong những nguyên nhân quan trọng bậc nhất là chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động đều thấp. Do đó, nếu không đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo thành công, nếu không làm cho mỗi người tự giác học tập, nâng cao trình độ, năng lực bắt kịp trình độ khoa học – công nghệ của thế giới, nhất là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì chẳng những không thể đuổi kịp mà còn có khoảng cách với các nước xa hơn nữa.

Để đổi mới, mở rộng và nâng cao chất lượng học tập thường xuyên của người lớn rất cần một tầm nhìn, cần sự chuyển động đồng bộ của cả hệ thống chính trị như sau:

Một là: Tuyên truyền, vận động để mỗi người nhận thức đầy đủ về sự cấp thiết của việc học tập thường xuyên như cơm ăn, áo mặc hàng ngày để tự giác, tự học là chính và vận động người khác học tập thường xuyên, học tập suốt đời, học cho mình và học cho tiến bộ xã hội. Học tập để nâng cao trình độ, năng lực bắt kịp sự phát triển của nhân loại là con đường ngắn nhất để nước ta rút ngắn khoảng cách và tiến tới sánh vai với các cường quốc năm châu như Bác Hồ hằng mong muốn. Học tập cũng là cơ hội tốt nhất để lập thân, lập nghiệp, thoát nghèo và làm giàu bền vững.

Hai là: Tổng kết việc XD XHHT giai đoạn 2012-2020 theo Quyết định 89/QĐ -TTg của Thủ tướng Chính phủ để có chủ trương, giải pháp, nhất là có Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021- 2030 nhằm tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt hơn giai đoạn trước.

Ba là: Đẩy mạnh phong trào xây dựng các mô hình gia đình học tập; khu dân cư, dòng họ, cơ quan, doanh nghiệp học tập; Xã, phường, thị trấn học tập và huyện, thị, thành phố học tập thật thực chất để đảm bảo cho việc học tập thường xuyên của mỗi người thành công, trở thành công dân học tập.

Bốn là: Tiếp tục củng cố, đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động và hoàn thiện các thiết chế học tập dành cho người lớn như các Trung tâm học tập cộng đồng ở xã, phường, thị trấn; trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên cấp huyện, cấp tỉnh, trung tâm giáo dục thường xuyên ở các trường cao đẳng, đại học; các thư viện ở cấp xã, huyện, tỉnh; các nhà văn hóa, bảo tàng; Các loại

câu lạc bộ, các chương trình dạy học trực tuyến hoặc trên hệ thống phát thanh – truyền hình.v.v. Với sự đầu tư của nhà nước cùng với cơ chế xã hội hóa thỏa đáng.

Cần rà soát và xem xét ban hành các cơ chế, chính sách mới phù hợp, như: Quy chế tổ chức hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng, quy chế hoạt động của các thiết chế khác giáo dục ngoài nhà trường khác và cơ chế tài chính, cung cấp tài liệu, học liệu, cơ sở vật chất cho giáo dục người lớn... cho giáo dục người lớn.v.v.

Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Đặng Thanh Giang

Lê Thanh Hằng

Diệu Nguyễn | Wise Consulting Finland

Hoàng Giang Quỳnh Anh | Học viện Agile

Kim Kim | Hogwarts

Nguyễn Ngọc Diệp | Hogwarts

Nguyễn Yến Chi | Hogwarts

Ngọc Lan | Hogwarts

Trâm Lê | InnEdu

Đoàn Hà Thu | BUW

Khách mời

NGUT Nguyễn Đình Bưu | Thanh Hoá

Lê Thái Hưng | Đại học An Giang

Logo | **Hà Dũng Hiệp**

Chế bản | **Quách Anh**

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



Đã học & làm

“Học để Dạy, và Dạy để Học